BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Logo

Description automatically generated

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC – HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 413-2/QĐ-ĐHLN-ĐT*

*ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

[PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 4](#_Toc115682705)

1.1. Thông tin vê cơ sở cấp bằng và cơ sở đào tạo.....................................4

[1.2. Một số thông tin về chương trình đào tạo 4](#_Toc115682706)

[1.3. Mục tiêu đào tạo 4](#_Toc115682707)

[*1.3.1.* *Mục tiêu chung* 4](#_Toc115682708)

[*1.3.2.* *Mục tiêu cụ thể* 4](#_Toc115682710)

[1.4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh 5](#_Toc115682711)

[1.5. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ 5](#_Toc115682712)

[1.6. Điều kiện tốt nghiệp 5](#_Toc115682713)

[PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 6](#_Toc115682714)

[2.1. Kiến thức 6](#_Toc115682715)

[*2.1.1.* *Kiến thức chung* 6](#_Toc115682716)

[*2.1.2.* *Kiến thức chuyên ngành* 6](#_Toc115682718)

[*2.1.3.* *Kiến thức bổ trợ* 6](#_Toc115682719)

[2.2. Về kỹ năng 6](#_Toc115682720)

[*2.2.1.* *Kỹ năng cứng* 6](#_Toc115682721)

[*2.2.2.* *Kỹ năng mềm* 7](#_Toc115682722)

[2.3. Về thái độ 7](#_Toc115682723)

[*2.3.1.* *Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân* 7](#_Toc115682724)

[*2.3.2.* *Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ* 7](#_Toc115682725)

[*2.3.3.* *Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc* 7](#_Toc115682726)

[2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ, tin học 7](#_Toc115682727)

[*2.4.1.* *Yêu cầu về ngoại ngữ* 7](#_Toc115682728)

[*2.4.2.* *Yêu cầu về tin học* 8](#_Toc115682729)

[2.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp 8](#_Toc115682730)

[2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 8](#_Toc115682731)

[2.7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo……8](#_Toc115682732)

[*2.7.1.* *Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra trong nước* 8](#_Toc115682733)

[*2.7.2.* *Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra ngoài nước* 9](#_Toc115682734)

[PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 10](#_Toc115682735)

[3.1 Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo 10](#_Toc115682736)

[3.2 Khung chương trình đào tạo 10](#_Toc115682737)

[3.3 Ma trận kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra đã công bố 14](#_Toc115682738)

3.4 Mô tả sơ lược môn học/học phần..................................................................21

3.5 Phương pháp và hình thức đào tạo..............................................................185

3.6 Cách thức đánh giá kết quả học tập.............................................................186

3.7 Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo........186

# PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* 1. Thông tin về cơ sở cấp bằng và cơ sở đào tạo
* Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Lâm nghiệp
* Đơn vị đào tạo: Khoa kinh tế và quản trị kinh doanh
  1. Một số thông tin về chương trình đào tạo
* Tên chương trình: Chương trình đào tạo ngành Kế toán
* Trình độ đào tạo: Đại học
* Ngành đào tạo:

*Tiếng Việt:* Kế toán

*Tiếng Anh:* Accounting

* Mã ngành: 7340301
* Thời gian đào tạo: 4 năm
* Loại hình đào tạo: Chính quy
* Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 136 tín chỉ
  1. Mục tiêu đào tạo
     1. *Mục tiêu chung*

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học nhằm đào tạo cử nhân chuyên ngành kế toán có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp kế toán; nắm vững những kiến thức cơ bản, cơ sở và bổ trợ về lĩnh vực kinh tế - tài chính - quản trị kinh doanh; có kiến thức toàn diện và chuyên sâu về kế toán; có khả năng thực hiện và giải quyết công việc một cách độc lập, sáng tạo; linh hoạt, năng động và thích ứng nhanh với những thay đổi của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

* + 1. *Mục tiêu cụ thể*

*- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:*

*+* Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, chính trị và pháp luật;

*+* Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về. kế toán, kiểm toán và tài chính; có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán

*+* Trang bị cho người học kỹ năng tổ chức công tác kế toán, hạch toán kế toán, xử lý chứng từ, sổ sách kế toán, lập và phân tích các báo cáo kế toán trong các cơ quan, đơn vị và tổ chức kinh tế - xã hội; kỹ năng thực hiện công việc kế toán trên các phần mềm kế toán.

*+* Trang bị cho người học Trang bị cho người học kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập, sáng tạo các vấn đề tài chính, kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp

*+* Trang bị cho người học kỹ năng làm việc độc lập, khả năng phối hợp hoạt động theo nhóm để giải quyết vấn đề trong thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán.

*+* Rèn luyện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, linh hoạt, năng động, thích ứng nhanh với những thay đổi của công việc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

*- Trình độ ngoại ngữ và tin học:* Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Lâm nghiệp.

* 1. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh
* Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ điều kiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối thi xét tuyển điểm:

A00: Toán, Lý, Hóa

B00: Toán, Hóa, Sinh

D01:Toán, Lý, Tiếng Anh

D00:Toán, Văn, Tiếng Anh

* 1. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ
  2. Điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ và thực hiện theo văn bản số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

1. **PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Sau khi hoàn thành khóa học, người học sẽ đạt được các yêu cầu sau đây:

* 1. Kiến thức
     1. *Kiến thức chung*

Có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức chung của khối ngành kinh tế và kiến thức cơ sở của ngành kế toán.

* + 1. *Kiến thức chuyên ngành*

- Sinh viên nắm và vận dụng, phân tích và đánh giá được những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ngân sách, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán xuất nhập khẩu; nắm chắc quy trình quy trình tổ chức công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kế toán và quy trình luân chuyển chứng từ; lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, tư vấn cho nhà quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh;

- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thuế, tài chính doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, phân tích kinh doanh; am hiểu chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để áp dụng trong doanh nghiệp, ngân hàng, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp….

* + 1. *Kiến thức bổ trợ*
* Sinh viên áp dụng được kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính.
* Nắm được kiến thức bổ trợ pháp luật, các chuẩn mực của Việt Nam và quốc tế về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán và kiến thức ngoại ngữ, tin học.
  1. Về kỹ năng
     1. *Kỹ năng cứng*

- Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những bối cảnh khác nhau.

- Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết được các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

- Thực hiện được toàn bộ công việc kế toán từ khâu chứng từ, sổ kế toán đến báo cáo kế toán

-Thực hiện được các công việc: lập, kê khai, quyết toán thuế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thực hiện được các công việc: lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính và phân tích kinh doanh.

- Biết thiết kế hệ thống thông tin kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị đáp ứng yêu cầu quản lý; Báo cáo được các thông tin về tình hình tài chính của đơn vị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị; Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp; đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội.

- Xác định được thực tế công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính; Vận dụng được kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết vấn đề thực tế.

- Soạn thảo và trình bày được các văn bản kinh tế, văn bản hành chính theo quy định.

* + 1. *Kỹ năng mềm*

-Thực hiện được việc tiếp cận và khai thác được các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ

- Linh hoạt và thích ứng được trong các hoàn cảnh mới; Xây dựng được mục tiêu và tổ chức bố trí công việc có kế hoạch, làm việc độc lập sáng tạo, luôn tập trung để đạt mục tiêu công việc.

- Tổ chức và tham gia làm việc nhóm hiệu quả; phối hợp được với các thành viên trong nhóm, có kỹ năng lắng nghe, thu nhận; Thực hiện được các công việc: giải thích, tổng hợp ý kiến, phản biện, bảo vệ quan điểm và thuyết trình.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương TOEIC 450 và tương đương (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2441/ QĐ- ĐHLN- ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

- Kỹ năng tin học: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tin học (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2440/ QĐ- ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp); Sử dụng được phần mềm kế toán; có khả năng nghiên cứu để sử dụng các phần mềm quản lý khác

* 1. Về thái độ
     1. *Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân*

Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước;

* + 1. *Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ*

Trung thực, có đạo đức và trách nhiệm đối với công việc;

* + 1. *Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc*

Có ý thức học tập nâng cao trình độ không ngừng; sáng tạo, linh hoạt trong công việc

* 1. Yêu cầu về ngoại ngữ, tin học
     1. *Yêu cầu về ngoại ngữ*

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương TOEIC 450 và tương đương (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2441/ QĐ- ĐHLN- ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

* + 1. *Yêu cầu về tin học*

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tin học (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2440/ QĐ- ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

* 1. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm kế toán hoặc các công việc chuyên môn liên quan thuộc khối ngành kinh tế tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp và các đơn vị kinh tế - xã hội khác.

- Làm cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán; hành nghề dịch vụ kế toán, đại lý thuế,…

* 1. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Kế toán sau tốt nghiệp có thể đào tạo nâng cao ở các bậc sau đại học như:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

* 1. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo
     1. *Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra trong nước*

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, (Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015).

- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2018), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13.

- Trường Đại học Tôn Đức Thắng (2018), Chuẩn đầu ra ngành Kế toán, truy cập tại: https://aaf.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2020/chuan-dau-ra-2018-nganh-ke-toan.

- Trường Đại học Lâm nghiệp (2015), Quy định chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 2573/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 31/12/2015).

- Trường Đai học Lâm nghiệp (2016), Chuẩn đầu ra ngành Kế toán (Ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ – ĐHLN - KT&ĐBCL ngày 15/03/2016).

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2017), Chuẩn đầu ra ngành Kế toán.

- Trường Đại học Thủy Lợi (2019), Chuẩn đầu ra ngành Kế toán.

- Trường Đại học Thương Mại, Chuẩn đầu ra ngành Kế toán.

* + 1. *Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra ngoài nước*

Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kế toán của các trường đại học: California State Univesity – San Bernardino (Hoa Kỳ), University of Kentucky (Hoa Kỳ), California State University - East bay (Hoa Kỳ), Oregon State University (Hoa Kỳ), Kansas State University (Hoa Kỳ), University of Cambridge (Anh), The University of Sydney (Úc).

# PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy | 136 |
| Trong đó: |  |
| * Khối kiến thức Giáo dục đại cương   (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN) | 41 |
| *+ Bắt buộc* | *35* |
| *+ Tự chọn* | *6* |
| * Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp | 90 |
| * Kiến thức cơ sở của khối ngành | 6 |
| *+ Bắt buộc* | *6* |
| * Kiến thức cơ sở của ngành | 28 |
| *+ Bắt buộc:* | *20* |
| *+ Tự chọn:* | *8* |
| * Kiến thức ngành | 46 |
| *+ Bắt buộc:* | *36* |
| *+ Tự chọn:* | *10* |
| * Khóa luận tốt nghiệp | 10 |
| * Thực tập nghề nghiệp | 5 |

* 1. Khung chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên học phần | Tổng số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ | | | | | Học phần tiên quyết |
| Lên lớp | | | Thực hành, thí nghiệm | TT sản xuất |
| Lý thuyết | BT/  TL | Bài tập  lớn |
| I | Khối kiến thức giáo dục đại cương | 41 |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kiến thức bắt buộc* | *35* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Những NLCB của CNMLN | 5 | 60 | 15 |  |  |  |  |
| 2 | Đường lối CM ĐCS Việt Nam | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 4 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 |  |  |  |  |  |
| 5 | Tiếng anh HP 1 | 4 | 45 | 15 |  |  |  |  |
| 6 | Tiếng anh HP 2 | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 5 |
| 7 | Tiếng anh HP 3 | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 6 |
| 8 | Tiếng anh HP 4 | 2 | 20 | 10 |  |  |  | 7 |
| 9 | Toán cao cấp C | 4 | 45 | 15 |  |  |  |  |
| 10 | Xác suất thống kê | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 11 | Tin học đại cương | 4 | 30 |  |  | 30 |  |  |
| *b* | *Kiến thức tự chọn* | *6* |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Quản lý Nhà nước về kinh tế | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 13 | Địa lý kinh tế | 3 | 40 | 5 |  |  |  |  |
| 14 | Xã hội học | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 15 | Tâm lý học | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 16 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 | 30 | 15 |  |  |  |  |
| 17 | Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| *c* | *Giáo dục thể chất* |  | *Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo* | | | | |  |
| *d* | *Giáo dục quốc phòng* |  |  |
| II | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 90 |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kiến thức cơ sở của khối ngành* | *6* |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 40 | 5 |  |  |  |  |
| 19 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 40 | 5 |  |  |  |  |
| *b* | *Kiến thức cơ sở của ngành* | *28* |  |  |  |  |  |  |
| *b1* | *Các học phần bắt buộc* | *20* |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Toán kinh tế | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 21 | Tài chính tiền tệ | 3 | 35 | 5 | 5 |  |  |  |
| 22 | Nguyên lý thống kê | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 23 | Nguyên lý kế toán | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 24 | Quản trị học | 3 | 30 | 15 |  |  |  |  |
| 25 | Luật kinh tế | 3 | 40 | 5 |  |  |  | 4 |
| 26 | Marketing căn bản | 3 | 30 | 15 |  |  |  |  |
| *b2* | *Các học phần tự chọn* | *8* |  |  |  |  |  |  |
| 27 | Anh văn chuyên ngành | 2 | 20 | 10 |  |  |  | 7 |
| 28 | Tổ chức công tác kế toán | 2 | 20 | 10 |  |  |  | 23 |
| 29 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 30 | Kế toán quốc tế | 2 | 25 | 5 |  |  |  | 23 |
| 31 | Kinh tế lượng 1 | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 10,18 |
| 32 | Thống kê kinh tế | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 22 |
| 33 | Quản trị nhân lực | 3 | 30 | 15 |  |  |  |  |
| 34 | Kinh tế đầu tư | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 35 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế | 2 | 25 | 5 |  |  |  | 22 |
| *c* | *Kiến thức ngành* | *46* |  |  |  |  |  |  |
| *c1* | *Các học phần bắt buộc* | *36* |  |  |  |  |  |  |
| 36 | Kế toán tài chính 1 | 4 | 50 | 5 | 5 |  |  | 23 |
| 37 | Kế toán tài chính 2 | 3 | 30 | 15 |  |  |  | 36 |
| 38 | Kế toán quản trị | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 23 |
| 39 | Kiểm toán | 3 | 40 | 5 |  |  |  | 36 |
| 40 | Thống kê doanh nghiệp | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 22 |
| 41 | Quản lý tài chính công | 2 | 25 | 5 |  |  |  |  |
| 42 | Kế toán ngân sách | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 23 |
| 43 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 23 |
| 44 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 21 |
| 45 | Kế toán trên máy vi tính | 3 | 20 |  |  | 25 |  | 11,36 |
| 46 | Quản trị kinh doanh 1 | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 24 |
| 47 | Phân tích kinh doanh | 3 | 35 | 10 |  |  |  | 22,36 |
| *c2* | *Các học phần tự chọn* | *10* |  |  |  |  |  |  |
| 48 | Kế toán ngân hàng | 3 | 25 | 20 |  |  |  | 23 |
| 49 | Thuế | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 50 | Thị trường chứng khoán | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 51 | Thanh toán quốc tế | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 52 | Phân tích tài chính doanh nghiệp | 2 | 25 | 5 |  |  |  | 44 |
| 53 | Tài chính doanh nghiệp nâng cao | 2 | 25 | 5 |  |  |  | 44 |
| 54 | Quản trị kinh doanh 2 | 3 | 35 | 5 | 5 |  |  | 46 |
| 55 | Quản trị kinh doanh thương mại | 3 | 30 | 15 |  |  |  |  |
| 56 | Quản lý dự án | 3 | 30 | 10 | 5 |  |  |  |
| 57 | Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế | 3 | 25 |  |  | 20 |  | 11 |
| 58 | Thương mại điện tử | 2 | 20 | 10 |  |  |  |  |
| 59 | Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp | 2 | 20 | 10 |  |  |  |  |
| 60 | Kỹ năng làm việc nhóm | 2 | 15 | 15 |  |  |  |  |
| 61 | Kinh tế nông nghiệp | 3 | 40 | 5 |  |  |  |  |
| 62 | Kinh tế quốc tế | 3 | 35 | 10 |  |  |  |  |
| 63 | Chuẩn mực kế toán quốc tế | 2 | 20 | 10 |  |  |  | 23 |
| *d* | *Tốt nghiệp* | *10* |  |  |  |  |  |  |
| III | Thực tập nghề nghiệp | 5 |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thực tập nghề nghiệp 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thực tập nghề nghiệp 2 | 1 |  |  |  |  |  | 36 |
| 3 | Thực tập nghề nghiệp 3 | 3 |  |  |  |  |  | 37 |
| IV | Tổng | 136 |  |  |  |  |  |  |

III. Thực tập nghề nghiệp: 5 tín chỉ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *TT* | *Đợt thực tập* | *Nội dung thực tập* | *Số TC* | *Kỳ dự kiến* |
| 1 | Thực tập nghề nghiệp 1 | - Kỹ năng sử dụng thiết bị văn phòng | 01 | Học kỳ 5 hoặc 6 (Bố trí cho sinh viên đăng ký học theo thời khoá biểu) |
| 2 | Thực tập nghề nghiệp 2 | -Kỹ năng viết, tổ chức chứng từ và sổ kế toán | 01 | Học kỳ 6 |
| 3 | Thực tập nghề nghiệp 3 | - Thực tập tổng hợp về công tác tổ chức kế toán của doanh nghiệp | 03 | Học kỳ 7 |

*Tổng số tín chỉ: 136 tín chỉ.*

* 1. Ma trận kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra đã công bố

# MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

BẢNG MÃ HÓA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã hóa | | Nội dung |
| Kiến thức | |  |
| Kiến thức chung | MT1 | Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, chính trị và pháp luật; |
| Kiến thức chuyên ngành | MT2 | Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán, kiểm toán và tài chính; |
| Kỹ năng | |  |
|  | MT3 | Trang bị cho người học kỹ năng tổ chức công tác kế toán, hạch toán kế toán, xử lý chứng từ, sổ sách kế toán, lập và phân tích các báo cáo kế toán trong các cơ quan, đơn vị và tổ chức kinh tế - xã hội; |
| MT4 | Kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập, sáng tạo các vấn đề tài chính, kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp |
| MT5 | Kỹ năng làm việc độc lập, khả năng phối hợp hoạt động theo nhóm để giải quyết vấn đề trong thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế |
| Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm | | |
|  | MT6 | Rèn luyện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, linh hoạt, năng động, thích ứng nhanh với những thay đổi của công việc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế để thực hiện các nhiệm vụ được giao |
| Trình độ ngoại ngữ và tin học | | |
|  | MT7 | Đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Lâm nghiệp. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BẢNG MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA - KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2019 | | |
|  |
| Mã hóa | | Nội dung |
| Kiến thức | | |
|  | CĐR1 | Có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức chung của khối ngành kinh tế và kiến thức cơ sở của ngành kế toán. |
| CĐR2 | Nắm và vận dụng, phân tích và đánh giá được những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ngân sách, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán xuất nhập khẩu; nắm chắc quy trình quy trình tổ chức công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kế toán và quy trình luân chuyển chứng từ; lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, tư vấn cho nhà quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh; |
| CĐR3 | Nắm được kiến thức cơ bản về thuế, tài chính doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, phân tích kinh doanh; am hiểu chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để áp dụng trong doanh nghiệp, ngân hàng, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp…. |
| CĐR4 | Áp dụng được kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính |
| CĐR5 | Nắm được kiến thức bổ trợ pháp luật, các chuẩn mực của Việt Nam và quốc tế về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán và kiến thức ngoại ngữ, tin học. |
| Kỹ năng | | |
| Kỹ năng cứng | CĐR6 | Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những bối cảnh khác nhau |
| CĐR7 | Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết được các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; |
| CĐR8 | Thực hiện được toàn bộ công việc kế toán từ khâu chứng từ, sổ kế toán đến báo cáo kế toán |
| CĐR9 | Thực hiện được các công việc: lập, kê khai, quyết toán thuế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. |
| CĐR10 | Thực hiện được các công việc: lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính và phân tích kinh doanh. |
| CĐR11 | Biết thiết kế hệ thống thông tin kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị đáp ứng yêu cầu quản lý; Báo cáo được các thông tin về tình hình tài chính của đơn vị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị; Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp; đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội. |
| CĐR12 | Xác định được thực tế công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính; Vận dụng được kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết vấn đề thực tế. |
| CĐR13 | Soạn thảo và trình bày được các văn bản kinh tế, văn bản hành chính theo quy định |
| Kỹ năng mềm | CĐR14 | Thực hiện được việc tiếp cận và khai thác được các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ |
| CĐR15 | Linh hoạt và thích ứng được trong các hoàn cảnh mới; Xây dựng được mục tiêu và tổ chức bố trí công việc có kế hoạch, làm việc độc lập sáng tạo, luôn tập trung để đạt mục tiêu công việc. |
| CĐR16 | Tổ chức và tham gia làm việc nhóm hiệu quả; phối hợp được với các thành viên trong nhóm, có kỹ năng lắng nghe, thu nhận; Thực hiện được các công việc: giải thích, tổng hợp ý kiến, phản biện, bảo vệ quan điểm và thuyết trình. |
| Ngoại ngữ, tin học | CĐR17 | Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương TOEIC 450 và tương đương (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2441/ QĐ- ĐHLN- ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp) |
| CĐR18 | Kỹ năng tin học: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra tin học (được ban hành và công bố theo Quyết định số 2440/ QĐ- ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp); Sử dụng được phần mềm kế toán; có khả năng nghiên cứu để sử dụng các phần mềm quản lý khác |
| Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm | | |
|  | CĐR19 | Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước |
| CĐR20 | Trung thực, có đạo đức và trách nhiệm đối với công việc; |
| CĐR21 | Có ý thức học tập nâng cao trình độ không ngừng; sáng tạo, linh hoạt trong công việc |

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CHUẨN ĐẦU RA | | MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | | | | | | |
| MT1 | MT2 | MT3 | MT4 | MT5 | MT6 | MT7 |
| Kiến thức | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CĐR1 | X |  |  |  | X |  |  |
|  | CĐR2 |  | X |  |  |  |  |  |
|  | CĐR3 |  | X |  |  |  |  |  |
|  | CĐR4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CĐR5 |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng | |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng cứng | CĐR6 |  |  |  |  | X |  |  |
| CĐR7 |  |  | X | X |  |  |  |
| CĐR8 |  |  | X |  |  | X |  |
| CĐR9 |  |  | X |  |  |  |  |
| CĐR10 |  |  | X | X |  |  |  |
| CĐR11 |  |  |  | X |  |  |  |
| CĐR12 |  |  |  |  | X |  |  |
| CĐR13 |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng mềm | CĐR14 |  |  |  | X |  |  |  |
| CĐR15 |  |  |  |  | X |  |  |
| CĐR16 |  |  |  |  | X |  |  |
| Kỹ năng tin học, ngoại ngữ | CĐR17 |  |  |  |  |  |  | X |
| CĐR18 |  |  |  |  |  |  | X |
| Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CĐR19 |  |  |  |  |  | X |  |
| CĐR20 |  |  |  |  |  | X |  |
| CĐR21 |  |  |  |  |  | X |  |

3.4 Mô tả sơ lược môn học/học phần

HỌC PHẦN: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Thông tin chung về học phần:

*1.1. Tên học phần*

*Tên tiếng Việt:* Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

*Tên tiếng Anh:* The basic principles of Marxism-Leninism

*1.2. Mã số học phần:* NLC

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 60 tiết |
| Bài tập | : 0 tiết |
| Thảo luận | : 30 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 180 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

Khoa: Lý luận chính trị.

3. Điều kiện tiên quyết: Bố trí học năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

*4.2. Kỹ năng:* Sinh viên có thể vận dụng các cơ sở lý luận cơ bản đó vào nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

*4.3. Thái độ:* Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nhận thức được những tri thức cơ bản, hệ thống về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Thực chất giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác – Lênin và vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin trong thời đại ngày nay. |
| CĐR2 | Bồi dưỡng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Biết vận dụng tri thức của môn học để rèn luyện tư duy biện chứng, sáng tạo, phân tích, phê phán trong cuộc sống, học tập. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR4 | Củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin |
| CĐR5 | Bảo vệ bản chất khoa học, cách mạng và đấu tranh phê phán những luận điệu xuyên tạc Chủ nghĩa Mác - Lênin; |
| CĐR6 | Chủ động, tích cực và nỗ lưc trong việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; trau dồi tri thức khoa học chuyên ngành, xây dựng nhân sinh quan cách mạng. |

7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| Mở đầu | NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN | 02 | 00 | 01 | 00 | 06 | Theo chuẩn đầu ra đã công bố ở mục 6 bản đề cương này |
| 1 | CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG | 04 | 00 | 02 | 00 | 12 |
| 2 | PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT | 12 | 00 | 4 | 00 | 32 |
| 3 | CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ | 10 | 00 | 4 | 00 | 28 |
| 4 | HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ | 05 | 00 | 03 | 00 | 16 |
| 5 | HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ | 10 | 00 | 06 | 00 | 32 |
| 6 | HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC | 03 | 00 | 01 | 00 | 08 |
| 7 | SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | 05 | 00 | 02 | 00 | 14 |
| 8 | NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | 06 | 00 | 04 | 00 | 20 |
| 9 | CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG | 02 | 00 | 01 | 00 | 06 |
| 10 | Kiểm tra giữa kỳ | 01 | 00 | 02 | 00 | 06 |
| Tổng |  | 60 | 00 | 30 | 00 | 180 |

HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Tên học phần tiếng Anh: Revolutionary Lines of the Vietnam Communist Party

*1.2. Mã số học phần: ĐLC*

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 20 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy định hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam

Khoa: Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong môn Những NLCB của CN MLN

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.

*4.2. Kỹ năng:* Giúp sinh viên vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

*4.3. Thái độ:* củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Ngoài Chương mở đầu Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thì môn Đường lối CM của ĐCS Việt Nam bao gồm 8 chương. Cụ thể:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)

Chương IV: Đường lối công nghiệp hoá

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội

Chương VIII: Đường lối đối ngoại

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm được quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. |
| CĐR2 | Nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| CĐR 3 | Nắm bắt được kết quả quá trình lãnh đạo cuả Đảng trên các phương diện như kinh tế, văn hóa - xã hội, đối ngoại, hệ thống chính trị, công nghiệp hóa. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR4 | Sinh viên đánh giá khách quan, chính xác các quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng. |
| CĐR5 | vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Nhận diện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong quá trình giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc |
| CĐR7 | Củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tránh sự hoang mang, dao động, bị lợi dụng trước các thế lực thù địch |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| Mở đầu | Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn ĐLCM của ĐCS VN | 1 |  |  |  | 1 | CĐR 1, CĐR 2 |
| Chương I | Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | 4 |  | 2 |  | 2 | CĐR 1, CĐR 4  CĐR 6  CĐR 7 |
| Chương II | Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | 4 |  | 2 |  | 2 | CĐR 1, CĐR 4  CĐR 6  CĐR 7 |
| Chương III | Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) | 4 |  | 4 |  | 3 | CĐR 2, CĐR 3  CĐR 5  CĐR 7 |
| Chương IV | Đường lối công nghiệp hoá | 4 |  | 2 |  | 3 | CĐR 2, CĐR 3  CĐR 5  CĐR 7 |
| Chương V | Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | 5 |  | 2 |  | 3 | CĐR 2, CĐR 3  CĐR 5  CĐR 7 |
| Chương VI | Đường lối xây dựng hệ thống chính trị | 4 |  | 2 |  | 2 | CĐR 2, CĐR 3  CĐR 5  CĐR 7 |
| Chương VII | Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội | 5 |  | 4 |  | 3 | CĐR 2, CĐR 3 |
| Chương VIII | Đường lối đối ngoại | 4 |  | 2 |  | 3 | CĐR 5  CĐR 7 |

HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tên học phần tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought

*1.2. Mã số học phần:* TTM4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập | : 0 tiết |
| Thảo luận | : 10 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Khoa/Viện/Trung tâm: Lý luận Chính trị

3. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, những giá trị đạo đức văn hoá Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

*4.2. Kỹ năng:*

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát thực tiễn hình thành quy luật và lý luận.

- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.

*4.3. Thái độ:*

- Xây dựng cho sinh viên bản lĩnh chính trị, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững những nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh |
| CĐR2 | Thấy được những sáng tạo của Hồ Chí Minh về lý luận |
| CĐR3 | Nắm được những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam |
| Về kỹ năng | |
| CĐR4 | Có kỹ năng sưu tầm, phân tích, khái quát tư liệu |
| CĐR5 | Có kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Có khả năng đảm nhiệm vấn đề |
| CĐR7 | Có khả năng lập luận, bảo vệ chính kiến bản thân |

*(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom*

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| Mở đầu | Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | CĐR1 |
| 1 | Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | 0 | 2 | 0 | 10 | CĐR1  CĐR4  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |
| 2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR5  CĐR6 |
|  | Thi giữa kỳ | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 |  |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế | 3 | 0 | 2 | 0 | 10 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |
| 6 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR5  CĐR6 |
| 7 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa, Đạo đức và xây dựng con người mới | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1  CĐR3  CĐR4  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |

HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Pháp luật đại cương

Tên học phần tiếng Anh: General Legislation

*1.2. Mã số học phần:* PLD4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập | : 0 tiết |
| Thảo luận | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 50 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Luật

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Nắm được các khái niệm , phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý.

- Nắm được cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nắm được trình tự và thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

*4.2. Kỹ năng:*

- Có khả năng phân tích đánh giá các hiện tượng chính trị - pháp lý trong đời sống xã hội. Khả năng áp dụng các kiến thức để đánh giá và giải quyết các công việc trong thực tiễn.

- Đánh giá và phân tích những tình huống pháp lý cơ bản nhất.

*4.3. Thái độ:*

Có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, ý thức một cách đầy đủ bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội với tư cách là một công dân của đất nước.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Pháp luật đại cương là môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý cơ sở của tất cả các chuyên ngành.

- Là môn học giữ vài trò phương pháp luận để nhận thức đúng đắn các vấn đề có tính bản chất, các quy luật của nhà nước và pháp luật, là cơ sở luận giải cho các môn khoa học pháp lý chuyên ngành.

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm được các khái niệm , phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR10 | Có khả năng phân tích đánh giá các hiện tượng chính trị - pháp lý trong đời sống xã hội. Khả năng áp dụng các kiến thức để đánh giá và giải quyết các công việc trong thực tiễn. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR13  CĐR 14  CĐR 15 | Có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, ý thức một cách đầy đủ bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội với tư cách là một công dân của đất nước. |

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | CĐR Học phần |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC | 10 |  |  |  | 15 | CĐR 1  CĐR 10  CĐR 13 |
| 2 | CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT | 10 |  |  |  | 15 | CĐR 1  CĐR 10  CĐR 13  CĐR 15 |
| 3 | CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT | 5 |  |  |  | 10 | CĐR 1  CĐR 10  CĐR 13 |
| 4 | CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG | 5 |  |  |  | 10 | CĐR 1  CĐR 10  CĐR 14 |
|  | Tổng | 30 |  |  |  | 50 |  |

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh học phần I

Tên học phần tiếng Anh: English 1

*1.2. Mã số học phần:* EN001

*1.3. Số tín chỉ:04*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 45tiết |
| Bài tập | : 20tiết |
| Thảo luận | : 10tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 90tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theoquy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn:Ngoại ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm:Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Về kiến thức

- Trang bị kiến thức cơ bản trình độ A1 (Elementary) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.

-Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước nói tiếng Anh.

- Trang bị kiến thức cơ bản để học tiếp môn học Tiếng Anh học phần II.

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe – nói - đọc - viết ở trình độ A1

(Elementary/ Basic knowledge).

- Tạo khả năng tự học và làm việc theo nhóm.

- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống.

- Sử dụng các công cụ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tiếng Anh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học tiếng Anh học phần I được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Elementary the 3rd edition bao gồm 8 bài trang bị những kiến thức sau đây:

- Ngữ pháp: Các thì của động từ; từ loại ( danh từ, tính từ, mạo từ …); sở hữu cách; so sánh tính từ; cách sử dụng giới từ.

- Từ vựng: Cung cấp vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống: gia đình, bạn bè, học tập, sở thích, thời tiết để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững kiến về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết ở Trình độ A1 (Elementary/ Basic knowledge)  Hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân với người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ. Viết được những văn bản ngắn dùng các từ thông dụng |
| CĐR2 | Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR10 | -Xây dựng kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. |
| CĐR12 | -Sinh viên sau khi kết thúc chương trình môn học Tiếng Anh học phần 1 đạt năng lực ngoại ngữ trình độ A1. |
| Về thái độ | |
| CĐR15 | Nghiêm túc trong việc học, nhận thức được tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ, thể hiện niềm hứng thú yêu thích đối với môn học. |
| CĐR16 | Rèn luyện ý thức tự học, tự tìm hiểu tài liệu và cập nhật kiến thức. |

7.Nội dung học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | | Unit 1: Hello everybody! | 5 | 2 | 1 |  | 9 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 2 | | Unit 2: Meeting people | 5 | 2 | 1 |  | 9 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 3 | | Unit 3: The world of work | 5 | 2 | 1 |  | 9 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 4 | | Unit 4: Take it easy | 6 | 2 | 1 |  | 9 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 5 | | Ôn tập giữa kỳ |  | 2 | 1 |  | 3 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 6 | | Thi giữ kỳ |  | 0 | 0 |  | 1 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 7 | | Unit 5: Where do you live? | 6 | 2 | 1 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 8 | | Unit 6: Can you speak English? | 6 | 2 | 1 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 9 | | Unit 7: Then and now | 6 | 2 | 1 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 10 | | Unit 8: A date to remember | 6 | 2 | 1 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 11 | | Ôn tập cuối kỳ | 0 | 2 | 1 |  | 6 | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16 | |
| 12 | | Thi cuối kỳ |  |  |  |  |  | CĐR1, CĐR2, CĐR10  CĐR15, CĐR16  CĐR12 | |
| 13 | Tổng số tiết | | 45 | 20 | 10 |  | 90 |  |

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 2

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh học phần II

Tên học phần tiếng Anh: English 2

*1.2. Mã số học phần:EN402*

*1.3. Số tín chỉ:03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập | : 10 tiết |
| Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 90 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theoquy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn:Ngoại ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm:Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh học phần I

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Về kiến thức

- Trang bị kiến thức cơ bản trình độ cuối A1 và đầu A2 (Elementary) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.

-Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước nói tiếng Anh.

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe – nói - đọc - viết ở trình độ cuối A1

(Elementary/ Basic knowledge).

- Tạo khả năng tự học, làm việc theo nhóm.

- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống.

- Có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tiếng Anh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học tiếng Anh học phần II được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Elementary (the 3rd edition – Liz and John Soars) bao gồm 6 bài (từ bài 9 đến bài 14) bao gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- Ngữ pháp: Các thì của động từ (Hiện tại tiếp diễn, Tương lại gần, Hiện tại Hoàn thành); từ loại ( danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ sở hữu); so sánh tính từ, động từ nguyên thể chỉ mục đích, các dạng câu hỏi,...

- Từ vựng: Cung cấp vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống hàng ngày: đồ ăn và đồ uống, cuộc sống ở nông thôn và thành phố, mô tả người, mô tả cảm giác, thời tiết... để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | Trình độ cuối A1 và đầu A2 (Elementary/ Basic knowledge) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. |
| CĐR2 | Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày. |
| CĐR3 | - Hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.  - Viết được những văn bản ngắn dùng các từ thông dụng  - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về các tình huống quen thuộc hàng ngày nếu lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin. |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR12 | Sau khi kết thúc Tiếng Anh học phần 2, sinh viên đạt trình độ A2 trong cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. |
| Về thái độ | |
| CĐR16 | - Nghiêm túc trong việc học, nhận thức được tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ  -Thể hiện niềm hứng thú yêu thích đối với môn học.  -Thể hiện đức tính ham học hỏi, cộng tác và chia sẻ.  - Rèn luyện tính kiên trì, cần mẫn và ý thức tự học ngoại ngữ. |

7.Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Unit 9: Food you like! | 5 | 1 | 2 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 2 | Unit 10: Bigger and better! | 5 | 1 | 2 |  | 11 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 3 | Unit 11: Looking good! | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 4 | Ôn tập giữa kỳ | 0 | 1 | 2 |  | 6 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 5 | Thi giữ kỳ | 0 | 1 | 0 |  | 2 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 6 | Unit 12: Life's an adventure | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 7 | Unit 13: Storytime | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 8 | Unit 14: Have you ever? | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 9 | Ôn tập cuối kỳ | 0 | 2 | 2 |  | 8 | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR16 |
| 10 | Thi cuối kỳ |  |  |  |  |  | CĐR1, CĐR2, CĐR3,  CĐR12,  CĐR16 |
| 11 | Tổng số tiết | 30 | 10 | 20 |  | 90 |  |

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 3

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh học phần III

Tên học phần tiếng Anh: English 3

*1.2. Mã số học phần:*EN003

*1.3. Số tín chỉ:03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập | : 10 tiết |
| Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 90 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theoquy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn:Ngoại ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm:Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh học phần II

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

-Trang bị kiến thức cơ bản trình độ B1 (Pre-Intermediate) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.

-Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước nói tiếng Anh.

- Trang bị kiến thức cơ bản để học tiếp học phần IV.

*4.2. Kỹ năng:*

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe – nói - đọc - viết ở trình độ B1.

- Tạo khả năng tự học, làm việc theo nhóm.

- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp hằng ngày.

- Ngoài việc rèn luyện về kỹ năng, sinh viên còn có thể vận dụng khả năng ngôn ngữ vào công việc sau này.

*4.3. Thái độ:*

- Khơi dậy cho người học niềm đam mê học ngoại ngữ.

- Hình thành đức tính ham học, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động trên lớp.

- Rèn luyện tính kiên trì, cần mẫn và ý thức tự học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học tiếng Anh học phần III được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Pre-intermediate(the 3rd edition – Liz and John Soars) bao gồm 7 bài (từ bài 1 đến bài 7) bao gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- Ngữ pháp: Ôn tập và bổ sung các thì, dạng của động từ, danh từ, tính từ, cách sử dụng mạo từ, đại từ bất định, từ chỉ số lượng, các dạng câu hỏi, cấu trúc động từ.

- Từ vựng: Bổ sung vốn từ vựng về các lĩnh vực có liên quan đến các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và sinh hoạt thường ngày để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | -Trình độ cuối A2 và đầu B1 (Pre-Intermediate) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. |
| CĐR2 | -Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày. |
| CĐR3 | - Hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.  - Viết được những văn bản ngắn dùng các từ thông dụng  - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về các tình huống quen thuộc hàng ngày nếu lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR12 | - Sinh viên sau khi kết thúc học phần 3 đạt trình độ cuối A2 và đầu B1 (Pre-intermediate). |
|  | Về thái độ |
| CĐR13 | - Nghiêm túc trong việc học, nhận thức được tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ  -Thể hiện niềm hứng thú yêu thích đối với môn học.  -Thể hiện đức tính ham học hỏi, cộng tác và chia sẻ. |
| CĐR16 | - Rèn luyện ý thức tự học ngoại ngữ, tự cập nhật kiến thức thông tin xã hội. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Unit 1: Getting to know you | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 2 | Unit 2: The way we live | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 3 | Unit 3: What happened next! | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 4 | Unit 4: The Market Place | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 5 | Unit 5: What do you want to do? | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 6 | Ôn tập giữa kỳ |  | 1 | 2 |  | 6 | CĐR13  CĐR16 |
| 7 | Thi giữ kỳ |  | 1 | 0 |  | 2 | CĐR3 |
| 8 | Unit 6: Places and things | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 9 | Unit 7: Fame | 5 | 1 | 3 |  | 13 | CĐR2  CĐR3  CĐR16 |
| 10 | Ôn tập cuối kỳ | 0 | 1 | 2 |  | 6 | CĐR13  CĐR16 |
| 11 | Thi cuối kỳ |  |  |  |  |  | CĐR1  CĐR12 |
| 12 | Tổng số tiết | 30 | 10 | 20 |  | 90 |  |

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 4

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh học phần IV

Tên học phần tiếng Anh: English 4

*1.2. Mã số học phần:* EN004

*1.3. Số tín chỉ:02*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập | : 10 tiết |
| Thảo luận | : 10 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 60 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theoquy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn:Ngoại ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm:Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh học phần III

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

-Trang bị kiến thức cơ bản trình độ B1 (Pre-Intermediate) về ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.

-Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước nói tiếng Anh.

- Trang bị kiến thức cơ bản để học tiếp tiếng Anh chuyên ngành.

*4.2. Kỹ năng:*

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe – nói - đọc - viết ở trình độ B1.

- Tạo khả năng tự học, làm việc theo nhóm.

- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp hằng ngày.

- Ngoài việc rèn luyện về kỹ năng, sinh viên còn có thể áp dụng vào công việc sau này.

*4.3. Thái độ:*

- Khơi dậy cho người học niềm đam mê học ngoại ngữ.

- Hình thành đức tính ham học, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động trên lớp.

- Rèn luyện tính kiên trì, cần mẫn và ý thức tự học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học Anh văn học phần IV được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Pre-intermediate (the 3rd edition - Liz and John Soars) từ bài 08 đến bài 12, bao gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- Ngữ pháp: các loại câu sử dụng mệnh đề thời gian, các loại câu điều kiện, câu ước, câu trần thuật (gián tiếp), câu bị động.

- Từ vựng: Bổ sung vốn từ vựng về các lĩnh vực có liên quan đến các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và sinh hoạt thường ngày để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Có kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và luyện kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR10 | Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. |
| CĐR12 | Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1. |
| Thái độ | |
| CĐR15 | Có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về môn học. |
| CĐR16 | Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo |
| CĐR17 | Có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Unit 8: Do's and Don'ts | 4 | 1 | 1 |  | 8 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 2 | Unit 9: Going places | 4 | 1 | 1 |  | 8 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 3 | Unit 10: Things that changed the world | 4 | 1 | 2 |  | 10 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 4 | Ôn tập giữa kỳ | 0 | 1 | 1 |  | 4 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 5 | Thi giữ kỳ | 0 | 1 | 0 |  | 2 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 6 | Unit 11: What if …? | 4 | 2 | 2 |  | 12 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 7 | Unit 12: Trying your best | 4 | 2 | 2 |  | 12 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 8 | Ôn tập cuối kỳ | 0 | 1 | 1 |  | 4 | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 9 | Thi cuối kỳ |  |  |  |  |  | CĐR1  CĐR10  CĐR12  CĐR15  CĐR16  CĐR17 |
| 10 | Tổng số tiết | 20 | 10 | 10 |  | 60 |  |

HỌC PHẦN: TOÁN CAO CẤP C

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Toán cao cấp C

Tên học phần tiếng Anh: Calculus C

*1.2. Mã số học phần:* QLD4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 45 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 15 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 150 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Cơ điện và Công trình

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

+ Hiểu được giới hạn, các phép toán vi phân, tích phân của hàm một biến, đạo hàm riêng và cực trị của hàm hai biến.

+ Có kiến thức về định thức, ma trận, hệ phương trình và phương trình vi phân. Đây là kiến thức cơ bản về toán học để giúp cho việc tiếp thu các môn học cơ sở thuộc các ngành kinh tế.

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

Nắm vững lý thuyết biết vận dụng vào làm bài tập, hiểu được bản chất môn học và ứng dụng của môn học vào thực tế và các môn học khác.

*4.3 Thái độ*: Tham gia đúng quy định về số buổi học quy định trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, hoàn thành bài tập được giao có thái độ chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn toán cao cấp gồm những nội dung cơ bản sau:

- Giới hạn của hàm số, tính liên tục, gián đoạn của hàm số.

- Đạo hàm, vi phân, ứng dụng đạo hàm tính giới hạn các dạng vô định

- Tích phân bất định của hàm số, tích phân xác định và những ứng dụng của tích phân xác định.

- Định nghĩa về sự hội tự, phân kỳ của tích phân suy rộng.

- Khái niệm về hàm hai biến, đạo hàm, vi phân của hàm hai biến, cực trị tự do của hàm hai biến, ứng dụng của cực trị (Phương pháp bình phương bé nhất).

- Khái niệm về ma trận, định thức, các phép toán , tính chất đơn giản.

- Ma trận nghịch đảo và cách tìm ma trận nghịch đảo bằng phụ đại số.

- Hạng của ma trận.

- Định nghĩa, khái niệm hệ phương trình đại số tuyến tính, cách giải và biện luận hệ.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | - Môn học toán cao cấp C cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán cao cấp là kiến thức cơ bản quan trọng. |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR2 | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về giới hạn, các phép toán vi phân, tích phân của hàm một biến, đạo hàm riêng và cực trị của hàm hai biến, định thức, ma trận, hệ phương trình và phương trình vi phân. Đây là kiến thức cơ bản về toán học để giúp cho việc tiếp thu các môn học cơ sở thuộc các ngành kinh tế. |
|  | Về phẩm chất đạo đức |
| CĐR3 | - Sau khi học xong môn học sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp tư duy tốt biết áp dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Hàm số và giới hạn của hàm số | 9 | 6 | 0 | 0 | 30 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
| 2 | Phép tính vi phân của hàm một biến | 7 | 4 | 0 | 0 | 22 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
| 3 | Phép tính tích phân | 9 | 8 | 0 | 0 | 34 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
|  | Kiểm tra giữa kì | 1 |  |  |  |  |  |
| 4 | Đại số tuyến tính | 10 | 6 | 0 | 0 | 32 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
| 5 | Hàm hai biến | 9 | 6 | 0 | 0 | 30 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
|  | Tổng | 45 | 30 | 0 | 0 | 150 |  |

HỌC PHẦN: XÁC SUẤT THỐNG KÊ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Xác suất thống kê

Tên học phần tiếng Anh: Statistic and Probability

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập | : 20 tiết |
| Thảo luận | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn Toán, Khoa Cơ điện và Công trình

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xác suất và các ứng dụng vào thống kê. Biết cách vận dụng các kết quả này vào nhiều môn học tiếp theo khác cũng như áp dụng vào thực tế.

*4.2. Kỹ năng:*

- Nắm vững cơ sở lý thuyết, biết vận dụng vào trong các bài tính toán cụ thể.

- Hiểu được bản chất và các ứng dụng của môn học vào thực tế.

*4.3. Thái độ:*

- Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ đúng giờ (có lí do báo cáo khi không thể tới lớp), hoàn thành các bài tập được giao.

- Có ý thức học tập chăm chỉ, tích cực đọc thêm các tài liệu theo yêu cầu môn học, không làm việc riêng trong giờ học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Nhận thức chung về biến cố và xác suất của biến cố, từ đó dẫn đến các nhận thức về biến ngẫu nhiên.

- Hiểu và nắm được mục đích của phương pháp thống kê.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | - Môn học Xác suất – Thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách làm việc với các hiện tượng ngẫu nhiên: phép thử ngẫu nhiên và biến ngẫu nhiên. Đồng thời giới các khái niệm và mô hình phân tích số liệu căn bản thường được sử dụng trong khoa học Thống kê. |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR2 | -.Có kĩ năng lập luận, tư duy hệ thống, có kĩ năng phân tích bài toán thực tế, lập mô hình toán và tìm được lời giải của bài toán. |
|  | Về phẩm chất đạo đức |
| CĐR3 | * Có những phẩm chất cá nhân như phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật. |
| CĐR4 | - Có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng nâng cao trình độ |

*(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom*

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Biến cố ngẫu nhiên và phép tính xác suất | 7 | 4 | 0 | 0 | 30 | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
| 2 | Biến ngẫu nhiên | 7 | 6 | 0 | 0 | 38 | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
| 3 | Mẫu thống kê và ước lượng tham số | 7 | 4 | 0 | 0 | 30 | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
|  | Kiểm tra giữa kì | 1 |  |  |  |  | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4 |
| 4 | Kiểm định giả thiết thống kê | 10 | 4 | 0 | 0 | 36 | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
| 5 | Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính | 3 | 2 | 0 | 0 | 7 | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
| 6 | Phân tích phương sai (đọc thêm) |  |  |  |  |  | CĐR1, CĐR2  CĐR4 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tin học đại cương

Tên học phần tiếng Anh: Basic Informatics

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 04*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 26 tiết |
| Bài tập | : 4 tiết |
| Thảo luận | : 4 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 60 tiết |
| Tự học | : 188 tiết |

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tin học

Khoa: Kinh tế quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Hiểu biết các kiến thức cơ bản về thông tin, xử lý thông tin. Nắm chắc kiến thức về máy tính, nguyên lý hoạt động của máy tính, các thiết bị, các loại phần mềm.

Hiểu biết các kiến thức Internet, an toàn thông tin trên mạng, biết cách tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

Hiểu biết và sử dụng các phần mềm thông dụng (các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng…)

*4.2. Kỹ năng:*

Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể soạn thảo tài liệu, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, trình diễn, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua email, có thể làm website đơn giản, sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề.

*4.3. Thái độ:*

Có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần*:*

Môn học chia thành 2 phần.

Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, hiểu biết về máy tính, phần cứng, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin.

Phần 2: Cung cấp kiến thức và thực hành rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính, tương tác làm việc với hệ điều hành, khai thác một số dịch vụ trên Internet, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Thông tin và xử lý thông tin | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 2 | Biểu diễn thông tin trong máy tính | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 3 | Giải thuật và ngôn ngữ lập trình | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 4 | Máy tính điện tử | 2 | 0 | 0 | 04 | 12 |
| 5 | Phần mềm | 2 | 0 | 04 | 0 | 12 |
| 6 | Hệ điều hành | 2 | 0 | 0 | 06 | 16 |
| 7 | Mạng máy tính | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 8 | Internet và dịch vụ web | 2 | 0 | 0 | 06 | 16 |
| 9 | Các lĩnh vực nghiên cứu của công nghệ thông tin | 1 | 0 | 04 | 0 | 10 |
| 10 | Soạn thảo văn bản | 4 | 0 | 0 | 16 | 40 |
| 11 | Sử dụng bảng tính | 4 | 0 | 0 | 16 | 40 |
| 12 | Bài trình diễn | 2 | 0 | 0 | 12 | 28 |

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản lý Nhà nước về kinh tế

Tên học phần tiếng Anh: State management on economy

*1.2. Mã số học phần:* QLN4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh Tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học sinh viên có thể nắm được những kiến thức cơ bản về:

-Vai trò của quản lý nhà nước về kinh tế, các chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước.

-Các công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

-Văn bản và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế.

-Cán bộ công chức trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

*4.2 Kỹ năng*:

-Giải thích được các chức năng, nhiệm vụ cơ bản của nhà nước trong quản lý về kinh tế từ đó đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm của nhà nước trong thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cơ bản đó.

-Liên hệ thực tế được các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tại địa phương, cơ quan nhà nước cụ thể.

- Nhận biết được hệ thống các văn bản của nhà nước trong quản lý nhà nước về kinh tế.

-Phân tích và áp dụng được các công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế.

*4.3 Thái độ*:

Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên đối với môn học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững kiến thức căn bản và hiện đại về kinh tế và quản lý kinh tế ứng dụng nó trong quản lý kinh tế; mô hình và cơ chế pháp lý, hệ thống thông tin quản lý, chính phủ điện tử trong vận hành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp. |
| CĐR2 | Có kiến thức chuyên sâu và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, địa phương và vùng lãnh thổ và quản lý kinh tế của doanh nghiệp; có những kiến thức cần thiết để phân tích, đánh giá và dự báo kinh tế, vận dụng sáng tạo trong hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế ở cả tầm vĩ mô và trong doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức và quản lý chính sách kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp; |
| CĐR4 | Kỹ năng tổng hợp, lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp; |
| CĐR5 | Kỹ năng giao tiếp và truyền thông các chính sách, công cụ quản lý; kỹ năng diễn đạt vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế bằng văn bản và thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Có lập trường, tư tưởng vững vàng, đạo đức và lối sống lành mạnh. |
| CĐR7 | Có hành vi đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khiêm tốn, trung thực, khách quan, giản dị và cầu thị. |

7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT  chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Tổng quan về QLNN về kinh tế | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR 2,3,8,9,1114,15 |
| 2 | Chức năng và nguyên tắc QLNN về kinh tế | 10 | 0 | 6 | 0 | 32 | CĐR 2,3,8,9,1114,15 |
| 3 | Công cụ và phương pháp QLNN về kinh tế | 9 | 0 | 6 | 0 | 30 | CĐR 2,3,8,9,1114,15 |
| 4 | Quyết định QLNN về kinh tế | 6 | 0 | 4 | 0 | 20 | CĐR 2,3,8,9,1114,15 |
| 5 | Bộ máy QLNN về kinh tế | 6 | 0 | 4 | 0 | 20 | CĐR 2,3,8,9,1114,15 |
|  | Tổng | 35 | 0 | 20 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: ĐỊA LÝ KINH TẾ VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Địa lý Kinh tế Việt Nam

Tên học phần tiếng Anh: Viet Nam Economic Geography

*1.2. Mã số học phần: DLK4*

*1.3. Số tín chỉ: 03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết: | 40 tiết |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Thảo luận: | 10 tiết |
| Thực hành/thực tập: | 0 tiết |
| Tự học: | 100 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội như: tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; dân số, lao động và việc làm; tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, những vấn đề về kinh tế, xã hội của các vùng kinh tế ở Việt Nam.

*4.2. Kỹ năng:*

Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để đưa ra các phương án phát triển các vùng thông qua việc phân tích, đánh giá tình hình tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, các ngành kinh tế cũng như hiện trạng các vùng kinh tế của Việt Nam.

*4.3. Thái độ:*

Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Địa lý Kinh tế Việt Nam là môn học giảng dạy cho các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội. Để hiểu rõ những đặc điểm và tính qui luật tổ chức không gian kinh tế-xã hội ở nước ta, môn học phân tích những đặc điểm và xu hướng hiện đại của sự phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá vai trò và vị trí của Việt Nam trong hệ thống phân công lao động khu vực và quốc tế; tiềm năng và các nguồn lực chủ yếu, trước hết là các nguồn nội lực cho phát triển kinh tế; phân tích hiện trạng và phương hướng tổ chức các ngành kinh tế, đồng thời môn học này sẽ giới thiệu một số vấn đề phát triển kinh tế xã hội của 7 vùng kinh tế trong cả nước.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về các nguồn tài nguyên, các ngành kinh tế ở Việt Nam cũng như sự phân chia các nhóm nước trên thế giới. |
| CĐR2 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về các vùng kinh tế ở Việt Nam |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Đánh giá được lợi thế của Việt Nam cũng như sự phân nhóm các quốc gia trên thế giới. |
| CĐR4 | Đánh giá được thực trạng các nguồn tài nguyên, hiện trạng tổ chức các ngành trong phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam. |
| CĐR5 | Vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để đưa ra các phương án phát triển các vùng kinh tế của Việt Nam. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Khái quát Việt Nam trong hệ thống kinh tế quốc tế | 5 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR1, CĐR3,  CĐR6 |
| 2 | Nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam | 14 | 0 | 4 | 0 | 36 | CĐR1, CĐR4, CĐR6 |
| 3 | Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế Việt nam | 9 | 0 | 2 | 0 | 22 | CĐR1, CĐR4, CĐR6 |
| 4 | Phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế | 12 | 0 | 4 | 0 | 32 | CĐR2,  CĐR4 CĐR5, CĐR6 |
|  | Tổng | 40 | 0 | 10 | 0 | 100 |  |

HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Xã hội học

Tên học phần tiếng Anh: Sociology

*1.2. Mã số học phần: XHH*

*1.3. Số tín chỉ: 2*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 21 tiết |
| Thảo luận | : 18 tiết |
| Thực hành/thực tập | :..........tiết |
| Tự học | : tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy định hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam

Khoa: Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tiên quyết: không

4. Mục tiêu của học phần

*+ Kiến thức:* Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về Xã hội học, từ đó vận dụng vào lý giải, đánh giá những vấn đề của thực tiễn xã hội, hình thành kỹ năng điều tra Xã hội học cho sinh viên.

*+ Kỹ năng:* sinh viên có thể vận dụng các cơ sở lý luận cơ bản và phương pháp điều tra cụ thể vào nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

*+ Thái độ:* Xây dựng niềm tin, lý tưởng cho sinh viên. Cung cấp những nhận thức khách quan nhất về thực tế đời sống xã hội, có thái độ , nhận thức đúng đắn trước những vẫn đề xã hội nảy sinh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này được chia làm 3 phần chính với 9 chương. Cụ thể:

Phần I. Nhập môn Xã hội học

Chương 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của Xã hội học

Chương 2: Lịch sử hình thành và phát triển ngành Xã hội học

Chương 3: Các khái niệm cơ bản của Xã hội học

Phần II. Phương pháp nghiên cứu Xã hội học

Chương 4: Các phương pháp và kỹ thuật điều tra Xã hội học thông dụng

Chương 5: Các bước tiến hành một cuộc điều tra Xã hội học cơ bản

Phần III. Xã hội học chuyên biệt

Chương 6: Xã hội học Nông thôn

Chương 7: Xã hội học Đô thị

Chương 8: Xã hội học về Dư luận xã hội

Chương 9: Xã hội học Gia đình

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | - Có kiến thức cơ bản về ngành khoa học xã hội học |
| CĐR2 | - Có năng lực nghiên cứu khoa học dựa trên phương pháp nghiên cứu của Xã hội học |
| CĐR3 | - Am hiểu về một số lĩnh vực xã hội học chuyên biệt: XHH Nông thôn, XHH Đô thị, XHH Gia đình, XHH về dư luận xã hội |
| Về kỹ năng | |
| CĐR4 | - Hoàn thiện một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng quan sát, phỏng vấn, trưng cầu ý kiến.. |
| CĐR5 | - Hình thành năng lực phát hiện vấn đề và triển khai nghiên cứu khoa học dựa trên phương pháp của khoa học Xã hội học |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | - Sinh viên nghiêm túc chấp hành kế hoạch giảng dạy của giảng viên và khoa chủ quản. |
| CĐR7 | - Tinh thần làm việc nhóm cao, sẵn sàng hoàn thiện khối lượng bài tập lớn. |

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của Xã hội học | 1 |  | 0 |  |  | CĐR1 |
| 2 | Lịch sử hình thành và phát triển ngành XHH | 2 |  | 0 |  |  | CĐR1 |
| 3 | Các khái niệm Xã hội học cơ bản | 5 |  | 2 |  |  | CĐR1  CĐR5 |
| 4 | Các phương pháp và kỹ thuật điều tra Xã hội học cơ bản | 4 |  | 2 |  |  | CĐR2  CĐR4  CĐR5  CĐR6 |
| 5 | Các bước tiến hành một cuộc điều tra Xã hội học cơ bản | 4 |  | 4 |  |  | CĐR2  CĐR4  CĐR5  CĐR6 |
| 6 | Xã hội học Nông thôn | 2 |  | 2 |  |  | CĐR3  CĐR5 |
| 7 | Xã hội học Đô thị | 2 |  | 2 |  |  | CĐR3  CĐR5 |
| 8 | Xã hội học về Dư luận xã hội | 2 |  | 2 |  |  | CĐR3  CĐR5  CĐR6  CĐR7 |
| 9 | Xã hội học Gia đình | 1 |  | 4 |  |  | CĐR3  CĐR5  CĐR6 |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: *Tâm lý học đại cương .*

Tên học phần tiếng Anh: *General psychology*

*1.2. Mã số học phần: TLH*

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25.tiết |
| Thảo luận | : 10 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần: Trung tâm Công tác Xã hội & PTCĐ, Khoa Kinh tế & QTKD

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức*:* Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức tổng quát về tâm lý học đại cương dưới quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

*4.2.* Kỹ năng*:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức được học để rèn luyện bản thân; hình thành, phát triển nhân cách, giải thích các hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả yếu tố con người trong thực tiễn cuộc sống.

4.3. Thái độ*:* Sinh viên có hứng thú với môn học, có lòng yêu nghề, tích cực rèn luyện, học tập

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Môn tâm lý học đại cương là môn khoa học cơ bản về các yếu tố tâm lý con người trong đời sống hàng ngày. Nội dung chương trình môn học bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Khoa học xã hội và nhân văn |
| Về kỹ năng | |
| CĐR7 | Sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn |
| CĐR10 | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có các kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề đẻ có thể làm việc hiệu quả và đáp ứng nhanh với nhu cầu công việc |
| CĐR11 | Kỹ năng tin học: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản trị. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR13 | Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, yêu nghề và trung thực, là công dân có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. |
| CĐR14 | Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ |
| CĐR15 | Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp đã học, có thái độ phục vụ và trách nhiệm nghề nghiệp tốt |
| CĐR16 | Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc |
| CĐR17 | Sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt, có năng lực đổi mới và sáng tạo |

*(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom*

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |  |  |
| 1 | Chương 1: Tâm lý học là một khoa học | 4 |  | 0 |  |  | CĐR1, CĐR10, CĐR11, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
| 2 | Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người | 3 |  | 2 |  |  | CĐR1, CĐR7, CĐR10, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
| 3 | Chương 3: Sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức | 3 |  | 2 |  |  | CĐR1, CĐR7, CĐR10, CĐR11, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
| 4 | Chương 4: Hoạt động nhận thức | 4 |  | 2 |  |  | CĐR1, CĐR7, CĐR10, CĐR11, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
| 5 | Chương 5: Tình cảm và ý chí | 4 |  | 2 |  |  | CĐR1, CĐR7, CĐR10, CĐR11, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
| 6 | Chương 6: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách | 5 |  | 2 |  |  | CĐR1, CĐR7, CĐR10, CĐR11, CĐR 13,CĐR 14, CĐR 15, CĐR16, CĐR17 |
|  | Kiểm tra giữa kỳ, tổng kết, giải đáp, … | 2 |  | 0 |  |  |  |

HỌC PHẦN: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Lịch sử các học thuyết kinh tế

Tên học phần tiếng Anh: The history of economic theories

*1.2. Mã số học phần:* LCK4

*1.3. Số tín chỉ: 03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 30 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Sinh viên sau khi học xong môn học này cần nắm được những kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản như:

- Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học kinh tế.

- Nắm được một cách có hệ thống sự ra đời, đặc điểm, nội dung cơ bản, vị trí của các học thuyết kinh tế đối với sự phát triển của lý luận kinh tế và thực tiễn.

*4.2 Kỹ năng*:

- Phân tích, đối chứng, so sánh các tư tưởng kinh tế, nắm được lôgic phát triển của tư tưởng kinh tế

- Mở rộng khả năng hiểu biết, tạo cơ sở lý luận cho nghiên cứu các môn kinh tế ngành, nâng cao khả năng tư duy kinh tế

- Khả năng phân tích, đánh giá, phê phán và có sự vận dụng phù hợp vào nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.

- Người học mở rộng nâng cao nhận thức về nền kinh tế thị trường

- Vận dụng được những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn phát triển nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp tốt, tự tin, năng động trong công việc.

*4.3 Thái độ*:

Hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, Nhà nước trong công cuộc đổi mới.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kết cấu môn học được chia thành 9 chương. Nội dung các chương sẽ giới thiệu các vấn đề cơ bản về sự hình thành và nội dung cơ bản các lý luận kinh tế của các trường phái kinh tế, các nhà kinh tế học tiêu biểu gắn với thời kỳ hình thành của khoa học kinh tế: trường phái Trọng Thương, trường phái Trọng Nông, Kinh tế học cổ điển Anh, Kinh tế học tầm thường, trường phái Tiểu tư sản, Chủ nghĩa XH không tưởng Tây âu, Trường phái Tân cổ điển; với thời kỳ chủ nghĩa tư bản hiện đại: trường phái Keynes, chủ nghĩa tự do mới, kinh tế học trường phái chính hiện đại; kinh tế học Mác - Lênin và một số các lý thuyết tiêu biểu về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | Trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.Nắm được các kiến thức cơ bản về lịch sử các học thuyết Kinh tế. |
|  | Về kỹ năng mềm |
| CĐR2 | Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế giúp sinh viên có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin về kinh tế xã hội phục vụ cho ngành học |
| CĐR3 | Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến, kỹ năng làm việc nhóm và viết báo cáo. |
|  | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |
| CĐR4 | Có khả năng cập nhật kiến thức, tự học tập, tích lũy kiến thức, sáng tạo trong công việc. |
| CĐR5 | Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra học phần |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Lịch sử các học thuyết kinh tế | 2 |  | 0 | 0 | 4 | CĐR1  CĐR5 |
| 2 | Các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển | 7 |  | 10 | 0 | 34 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 3 | Học thuyết kinh tế Tiểu tư sản | 2 |  | 2 | 0 | 8 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 4 | Học thuyết kinh tế của CNXH không Tưởng Tâu Âu thế kỷ XIX | 1 |  | 2 | 0 | 6 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 5 | Sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị học Mác - Lênin | 2 |  | 0 | 0 | 4 | CĐR1  CĐR2  CĐR4  CĐR5 |
| 6 | Học thuyết kinh tế của trường phái Tân cổ điển | 5 |  | 4 | 0 | 18 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 7 | Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes | 4 |  | 6 | 0 | 20 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 8 | Học thuyết kinh tế của trường phái Tự do mới | 4 |  | 2 | 0 | 12 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 9 | Học thuyết kinh tế của trường phái Chính hiện đại | 3 |  | 4 | 0 | 14 | CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
|  | Tổng | 30 |  | 30 | 0 | 120 |  |

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kỹ năng giao tiếp

Tên học phần tiếng Anh: Communication skills

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 02*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập | : 0 tiết |
| Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Khuyến nông và KHCT

Khoa/Viện/Trung tâm: Viện Quản lý đất đai và PTNT

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Trình bày và giải thích được khái niệm, vai trò của giao tiếp, các nguyên tắc của giao tiếp, các yếu tố cơ bản của quá trình giao tiếp.

- Trình bày và giải thích được các nội dung và yêu cầu của các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

*4.2. Kỹ năng:*

- Trình diễn và thực hiện được các kỹ năng như: kỹ năng chú ý, kỹ năng quan sát, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng phản hồi, kỹ năng vấn đáp, kỹ năng trình bày, kỹ năng quản lý hoạt động nhóm.

- Trình diễn và thực hiện được các phương pháp như: phương pháp phân tích thông tin, phương pháp trực quan hóa thông tin, phương pháp tạo lập ý tưởng.

*4.3. Thái độ:*

- Tôn trọng mọi người, luôn học hỏi và chia sẻ;

- Có khả năng hoà nhập trong giao tiếp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Môn học bao gồm các nội dung cơ bản: Giới thiệu chung về quá trình giao tiếp; Các kỹ năng giao tiếp cơ bản; Các phương pháp và công cụ hỗ trợ quá trình giao tiếp; Giao tiếp trong quản lý.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Quá trình giao tiếp | 04 | 0 | 02 | 0 | 16 |
| 2 | Kỹ năng giao tiếp cơ bản | 08 | 0 | 10 | 0 | 16 |
| 3 | Phương pháp và công cụ hỗ trợ quá trình giao tiếp | 05 | 0 | 08 | 0 | 32 |
| 4 | Giao tiếp trong quản lý | 03 | 0 | 0 | 0 | 16 |
|  | Tổng | 20 | 0 | 20 | 0 | 80 |

HỌC PHẦN: KINH TẾ VI MÔ I

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kinh tế vi mô I

Tên học phần tiếng Anh: Microeconomics I

*1.2. Mã học phần:* KV14

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 40 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 100 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sinh viên sau khi học xong môn học này cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên lý kinh tế vi mô như: các vấn đề kinh tế cơ bản và lựa chọn của nền kinh tế; lý thuyết về cầu; lý thuyết về cung; cấu trúc thị trường; thị trường các yếu tố đầu vào; thất bại của thị trường và vai trò của chính phủ trong kinh tế thị trường.

*4.2. Kỹ năng:* Sau khi học xong môn học sinh viên có thể:

+ Sử dụng tốt một số công cụ phân tích kinh tế vi mô cơ bản

+ Vận dụng các kiến thức nguyên lý kinh tế vi mô ở các môn học khác

*4.3. Thái độ:*

Tự tin, chủ động, sáng tạo, trung thực trong nghiên cứu và công tác; Say mê nghiên cứu, có trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao trong lĩnh vực chuyên môn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kinh tế vi mô nghiên cứu các lựa chọn kinh tế của các bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Môn học phân tích những nội dung: Những vấn đề kinh tế cơ bản của các tổ chức kinh tế, cung cầu và sự hình thành giá cả thị trường, lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng, lựa chọn sử dụng đầu vào tối ưu của doanh nghiệp, phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn, lựa chọn sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, cấu trúc thị trường, thị trường các yếu tố sản xuất và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu và vận dụng được lý thuyết về cầu, lý thuyết về cung, phân tích thị trường hàng hóa – dịch vụ đầu ra. |
| CĐR2 | Hiểu và vận dụng được lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi người sản xuất |
| CĐR3 | Hiểu được kiến thức cầu, cung của thị trường các yếu tố đầu vào |
| Về kỹ năng | |
| CĐR4 | Sử dụng tốt công cụ phân tích kinh tế vi mô cơ bản |
| CĐR5 | Vận dụng kiến thức nguyên lý kinh tế vi mô vào xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh trong doanh nghiệp. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự NC, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH,  thực tập |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về kinh tế học | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR: 4,5,6 |
| 2 | Cung, cầu | 8 | 2 | 0 | 0 | 20 | CĐR:1,4,5,6 |
| 3 | Lý thuyết hành vi người tiêu dùng | 4 | 2 | 0 | 0 | 12 | CĐR: 2, 4,5,6 |
| 4 | Lý thuyết sản xuất và chi phí | 8 | 2 | 0 | 0 | 20 | CĐR: 2, 4,5,6 |
| 5 | Cấu trúc thị trường | 8 | 2 | 0 | 0 | 20 | CĐR: CĐR:1,4,5,6 |
| 6 | Thị trường các yếu tố sản xuất | 5 | 2 | 0 | 0 | 14 | CĐR: 3,4,5,6 |
| 7 | Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR: 4,5,6 |
|  | Tổng | 40 | 10 | 0 | 0 | 100 |  |

HỌC PHẦN: KINH TẾ VĨ MÔ 1

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô 1

Tên học phần tiếng Anh: Macroeconomics 1

*1.2. Mã số học phần:* VM14

*1.3. Số tín chỉ: 03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 40 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Tự học | : 100 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về đo lường tổng sản phẩm của nền kinh tế, thất nghiệp, lạm phát, chính sách kinh tế vĩ mô.

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về thị trường, kinh doanh, quy luật cung – cầu, quản lý và điều tiết các yếu tố đầu vào, đầu ra trong sản xuất kinh doanh.

*4.2. Kỹ năng:*

- Xác định và đánh giá được về các chỉ tiêu đo lường tổng sản phẩm của nền kinh tế, thất nghiệp, lạm phát.

- Có khả năng giao tiếp và truyền thông các chính sách kinh tế vĩ mô.

*4.3. Thái độ*:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Có lập trường, tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kinh tế vĩ mô 1 là môn học nghiên cứu về lựa chọn của nền kinh tế như là một tổng thể. Do vậy, các nội dung chủ yếu được đề cập trong môn học là: cách xác định sản lượng của nền kinh tế, kiểu tổ chức kinh tế, lạm phát, thất nghiệp của nền kinh tế cũng như các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô mà các quốc gia sử dụng như: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ…

6. Chuẩn đầu ra học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về đo lường tổng sản phẩm của nền kinh tế, thất nghiệp, lạm phát, chính sách kinh tế vĩ mô |
| CĐR2 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về thị trường, kinh doanh, quy luật cung – cầu, quản lý và điều tiết các yếu tố đầu vào, đầu ra trong sản xuất kinh doanh |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Xác định và đánh giá được về các chỉ tiêu đo lường tổng sản phẩm của nền kinh tế, thất nghiệp, lạm phát |
| CĐR4 | Có khả năng giao tiếp và truyền thông các chính sách kinh tế vĩ mô |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR5 | Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Có lập trường, tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh |

7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra học phần |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Khái quát về kinh tế học vĩ mô | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1,  CĐR2, CĐR3, CĐR5 |
| 2 | Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân | 8 | 2 | 0 | 0 | 20 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3, CĐR5 |
| 3 | Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế | 8 | 4 | 0 | 0 | 24 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3, CĐR5 |
| 4 | Thị trường tiền tệ | 8 | 4 | 0 | 0 | 24 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3, CĐR5 |
| 5 | Thất nghiệp và lạm phát | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR2, CĐR5 |
| 6 | Mô hình Tổng cung – Tổng cầu | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR2, CĐR3 |
| 7 | Chính sách kinh tế vĩ mô | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR4, CĐR5 |
|  | Tổng | 40 | 10 | 0 | 0 | 100 |  |

HỌC PHẦN: TOÁN KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Toán kinh tế

Tên học phần tiếng Anh: Economic Mathematical

*1.2. Mã số học phần:* TKT4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Cơ điện và Công trình

3. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán đối ngẫu, bài toán vận tải.

+ Hiểu được một số mô hình lý thuyết phục vụ công cộng và nguyên tắc hoạt động của hệ thống

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

+ Nắm vững cơ sở lí thuyết, biết vận dụng tương đối thành thạo những phương pháp giải.

*+* Nắm vững được bản chất, ý nghĩa của những kiến thức đã học vào các bài toán thực tế.

+ Nâng cao tinh thần học tập sáng tạo cho sinh viên, tăng khả năng tư duy logic của sinh viên trong các vấn đề xã hội khác.

*4.3 Thái độ*:

- Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ đúng giờ (có lí do báo cáo khi không thể tới lớp), hoàn thành các bài tập được giao.

- Có ý thức học tập chăm chỉ, tích cực đọc thêm các tài liệu theo yêu cầu môn học, không làm việc riêng trong giờ học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học Toán kinh tế cung cấp cho sinh viên khối kiến thức cơ bản của mô hình hóa tối ưu một số bài toán kinh tế dẫn đến các bài toán này có dạng quy hoạch tuyến tính, đưa ra phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính tổng quát, ý nghĩa thực tế của bài toán đối ngẫu và cách vận dụng các định lý về đối ngẫu, mô hình lý thuyết phục vụ công cộng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | - Môn học toán kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ bản về các mô hình toán trong kinh tế và cách giải. |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR2 | - Môn học toán kinh tế cung cấp các kiến thức về các mô hình toán trong kinh tế: mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải, mô hình lí thuyết phục vụ công cộng và các phương pháp giải, giúp vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn. |
|  | Về phẩm chất đạo đức |
| CĐR3 | - Sau khi học xong môn học toán kinh tế sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt, có năng lực đổi mới sáng tạo. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Quy hoạch tuyến tính | 11 | 8 | 0 | 0 | 38 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3 |
| 2 | Bài toán đối ngẫu | 7 | 4 | 0 | 0 | 22 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3 |
|  | Kiểm tra giữa kì | 1 |  |  |  |  |  |
| 3 | Bài toán vận tải | 8 | 4 | 0 | 0 | 24 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3 |
| 4 | Mô hình lý thuyết phục vụ công cộng | 8 | 4 | 0 | 0 | 24 | CĐR1, CĐR2,  CĐR3 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tài chính tiền tệ

Tên học phần tiếng Anh: Finance – Currency

*1.2. Mã số học phần:* TAT4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Thảo luận | : 10 tiết |
| Tiểu luận (Bài tập lớn) | : 15 |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Sau khi học xong môn học, sinh viên cần phải giải thích được những khái niệm cơ bản về tiền tệ và tài chính, hiểu và nắm được mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của từng bộ phận trong hệ thống tài chính quốc gia như ngân sách nhà nước, ngân hàng trung ương, tài chính trung gian, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình, tài chính quốc tế và thị trường tài chính.

*4.2 Kỹ năng*:

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể: có khả năng phân tích, đánh giá các hoạt động tài chính, tiền tệ của các chủ thể kinh tế - xã hội; có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ trong quản lý tài chính vĩ mô và vi mô như ngân sách nhà nước, ngân hàng trung ương, tài chính trung gian, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình, tài chính quốc tế và thị trường tài chính.

*4.3 Thái độ*:

Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của tiền tệ và tài chính trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ đúng đắn khi tham gia vào các quan hệ tài chính trong cuộc sống.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Tài chính tiền tệ là môn học trang bị các kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ bao gồm: Lý luận chung về tài chính và tiền tệ; Chính sách tiền tệ, Các bộ phận chủ yếu của hệ thống tài chính quốc gia, các hoạt động tài chính chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân, tài chính quốc tế.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Giải thích được các khái niệm liên quan đến tiền tệ và tài chính |
| CĐR2 | Hiểu được những nội dung liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước |
| CĐR3 | Nắm được cơ chế hoạt động của ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ |
| CĐR4 | Áp dụng được các kiến thức về tài chính và tiền tệ để thực hiện các quan hệ tài chính với các tổ chức tài chính trung gian (ngân hàng, bảo hiểm, quỹ tín dụng,..) một cách an toàn và hiệu quả |
| CĐR5 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản của tài chính trong doanh nghiệp (vốn kinh doanh, doanh thu, giá vốn, lợi nhuận) |
| CĐR6 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản của tài chính hộ gia đình (tiết kiệm, tiêu dùng và đầu tư) |
| CĐR7 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản của tài chính quốc tế (đầu tư quốc tế, tín dụng quốc tế và viện trợ quốc tế |
| CĐR8 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản của thị trường tài chính (thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán) |
| Về kỹ năng | |
| CĐR9 | Sinh viên biết phân tích tình hình tài chính vĩ mô và vi mô phục vụ cho việc lập kế hoạch tài chính, phân tích tài chính và ra quyết định tài chính đối với cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức tài chính và hộ gia đình. |
| CĐR10 | Môn học tài chính tiền tệ cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến, kỹ năng làm việc nhóm và viết báo cáo. |
| CĐR11 | Môn học tài chính tiền tệ cung cấp kỹ năng sử dụng phần mềm word để viết báo cáo, kỹ năng sử dụng phần mềm powerpoint để thuyết trình. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR12 | Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao |
| CĐR13 | Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể |
| Về thái độ, phẩm chất đạo đức | |
| CĐR14 | Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của tiền tệ và tài chính trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ đúng đắn khi tham gia vào các quan hệ tài chính trong cuộc sống. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Tiểu luận |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về tài chính và tiền tệ | 8 | 0 | 2 | 3 | 26 | CĐR1; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 2 | Ngân sách nhà nước | 3 | 0 | 2 | 3 | 16 | CĐR2; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; CĐR14 |
| 3 | Ngân hàng trung ương | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR3; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 4 | Tài chính trung gian | 7 | 0 | 2 | 0 | 18 | CĐR4; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 5 | Tài chính doanh nghiệp | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR5; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 6 | Tài chính hộ gia đình | 2 | 0 | 0 | 3 | 10 | CĐR6; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 7 | Tài chính quốc tế | 5 | 0 | 0 | 3 | 16 | CĐR7; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
| 8 | Thị trường tài chính | 4 | 0 | 0 | 3 | 14 | CĐR8; CĐR 9, CĐR10; ĐR11; ĐR12; ĐR13; CĐR14 |
|  | Tổng | 35 | 0 | 10 | 15 | 120 |  |

HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên tiếng Việt: Nguyên lý thống kê

- Tên tiếng Anh: *Statistic principle*

1. Số tín chỉ: 3

+ Mã số môn học: NTK4

+ Nhóm ngành: 4

1. Phân bổ thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 5 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

1. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tài chính kế toán, Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh.

Điện thoại: 0904 081 282

1. Mục tiêu môn học

*- Về kiến thức:*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê kinh tế: cơ sở lý luận và phương pháp luận của thống kê học, Điều tra thống kê, Tổng hợp thống kê và phân tích dự đoán Thống kê.

*- Về kỹ năng:*

Sau khi được trang bị kiến thức cơ bản của môn học này, sinh viên có khả năng khảo sát số liệu ban đầu, tổng hợp được những thông tin cần thiết và phân tích được những thông tin ban đầu phục vụ cho việc nghiên cứu tiếp theo.

*- Về thái độ của người học:*

Sinh viên phải tự giác học tập và nghiên cứu

- Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học, có ý thức và năng lực học tập nâng cao kiến thức.

- Tích cực thảo luận, hợp tác và làm việc theo nhóm trong các chuyên đề trong chương trình học.

1. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học “Nguyên lý thống kê ” cung cấp cho người học một phương pháp nghiên cứu và xử lý số liệu nhằm thể hiện nội dung, bản chất của vấn đề nghiên cứu một cách có căn cứ (lượng hóa). Là một môn học có tính thực tế cao và rất hữu ích cho người nghiên cứu khoa học và được kết cấu thành 5 chương.

1. Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê

HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Nguyên lý kế toán

Tên học phần tiếng Anh: Introduce of Accounting

*1.2. Mã số học phần:* NKL4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập | : 10 tiết |
| Thảo luận | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

- Các lý luận cơ bản về hạch toán kế toán như khái niệm, bản chất, đối tượng, chức năng của hạch toán kế toán.

- Các kiến thức chủ yếu về hệ thống phương pháp của hạch toán kế toán

- Các kiến thức chủ yếu về tổ chức hoạt động kế toán trong đơn vị cơ sở

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

- Xác định được đối tượng của hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp

- Sử dụng được các phương pháp chủ yếu của hạch toán kế toán

*4.3 Thái độ*:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học lý thuyết, các giờ chữa bài tập trên lớp; Tích cực tham gia xây dựng bài và làm bài tập ở nhà đầy đủ; Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ.

- Nhận thức đúng đắn vai trò của công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về hạch toán kế toán như: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kế toán; Đối tượng của hạch toán kế toán; Hệ thống hóa các phương pháp khoa học của kế toán: phương pháp chứng từ, tính giá, đối ứng tài khoản và tổng hợp cân đối kế toán; Khái quát hoá các loại sổ kế toán, các hình thức ghi sổ kế toán, các phương pháp sửa chữa sổ kế toán; Các mô hình kế toán áp dụng trong các DN; Bộ máy kế toán và mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu được bản chất của hạch toán kế toán, nắm được những nguyên tắc bản của hạch toán kế toán |
| CĐR2 | Xác định được đối tượng của hạch toán kế toán, phân loại được tài sản và nguồn vốn |
| CĐR3 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về phương pháp chứng từ, phân loại được chứng từ |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về phương pháp tính giá, tính giá được một số loại tài sản của DN. |
| CĐR5 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về phương pháp đối ứng tài khoản, Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh |
| CĐR6 | Nắm được ý nghĩa của viêc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán, phân loại được tài khoản kế toán |
| CĐR7 | Nắm được phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, lập được một số sổ kế toán. |
| CĐR8 | Hạch toán được các quá trình kinh doanh chủ yếu trong DN, từ quá trình mua hàng, quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ |
| CĐR9 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về sổ kế toán và hình thức sổ kế toán |
| CĐR10 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về bộ máy kế toán & mô hình tổ chức bộ máy kế toán |
| Về kỹ năng | |
| CĐR11 | - Sinh viên sẽ nhận diện được đối tượng của hạch toán kế toán  - Sinh viên biết định khoản kế toán, hạch toán được quá trình mua hàng, sản xuất và tiêu thụ trong DN  - Sinh viên biết lập một số sổ kế toán |
| CĐR12 | - Môn học Nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, lắng nghe, phát biểu ý kiến và kỹ năng làm việc nhóm. |
| CĐR13 | Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng tiếp cận và khai thác các thông tin cơ bản về tình hình tài chính kế toán của doanh nghiệp, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp; Hệ thống các văn bản pháp quy liên quan tới kế toán |
| CĐR14 | Môn học rèn luyện cho sinh viên kĩ năng sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản (word, excel), sử dụng được một số thuật ngữ trong kế toán bằng tiếng anh. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR15 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu học tập, từ đó tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. |
| CĐR16 | Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, phát huy trí tuệ tập thể |
| Về thái độ, phẩm chất đạo đức | |
| CĐR17 | Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kế toán trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ nghiêm túc, đúng đắn khi tham gia công tác hạch toán kế toán các doanh nghiệp và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. |

*(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom*

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Bản chất của hạch toán kế toán | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1, CĐR12, CĐR13,CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 2 | Đối tượng và phương pháp hạch toán kế toán | 2 | 2 | 0 | 0 | 8 | CĐR2,CĐR11, CĐR12, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 3 | Phương pháp chứng từ | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR3, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 4 | Phương pháp tính giá | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR4, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 5 | Phương pháp đối ứng tài khoản | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR2,CĐR4, CĐR5, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 6 | Hệ thống tài khoản kế toán | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1,CĐR2, CĐR4,CĐR5, CĐR6, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 7 | Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1,CĐR2, CĐR5,CĐR6, CĐR7 |
| 8 | Hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 5 | 4 | 0 | 0 | 18 | CĐR2, CĐR3,CĐR4, CĐR5,CĐR6, CĐR8, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 9 | Sổ kế toán và hình thức sổ kế toán | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1,CĐR2, CĐR4, CĐR5,CĐR6, CĐR9, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 10 | Bộ máy kế toán & mô hình tổ chức bộ máy kế toán | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | CĐR10, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
|  | TỔNG | 25 | 10 | 0 | 0 | 70 |  |

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HỌC

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản trị học

Tên học phần tiếng Anh: Management

*1.2. Mã số học phần:* QTH4

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 15 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

* Các kiến thức lý luận cơ bản về quản trị tổ chức
* Nội dung các chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức

4.2. Kỹ năng:

- Vận dụng các kiến thức lý luận để ra một số quyết định về quản trị trong tổ chức.

- Vận dụng các kiến thức vào công tác quản trị các lĩnh vực khác nhau trong quản trị tổ chức.

4.3. Thái độ:

- Nhận thức đúng đắn vai trò, tầm quan trọng của quản trị đối với tổ chức.

- Trung thực, linh hoạt, sáng tạo, trung thành với lợi ích của tổ chức, có tư duy và tầm nhìn của nhà quản trị.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản nhất về quản trị trong các tổ chức như: Bản chất của quản trị, môi trường quản trị, lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; các chức năng cơ bản của quản trị như ra quyết định, hoạch định, tổ chức và kiểm tra trong quản trị.

6. Chuẩn đầu ra của môn học

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững và giải thích được những vấn đề cơ bản về quản trị trong tổ chức |
| CĐR2 | Nắm vững và giải thích được các chức năng cơ bản trong quản trị tổ chức: Ra quyết định, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Kỹ năng thu thập thông tin để ra quyết định quản trị |
| CĐR4 | Kỹ năng xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch hoạt động của tổ chức |
| CĐR5 | Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề |
| CĐR6 | Kỹ năng tổ chức quản lý và điều hành |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR7 | Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước |
| CĐR8 | Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực trong nghiên cứu và công việc, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng đồng nghiệp và yêu ngành, yêu nghề |
| CĐR9 | Có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, tự học hỏi hoàn thiện và nâng cao kiến thức nghề nghiệp; có năng lực phản biện, dám chịu trách nhiệm về hoạt động của bản thân. |

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về quản trị | 8 | 0 | 4 | 0 | 24 | CĐR1,5 7,8 |
| 2 | Ra quyết định | 3 | 0 | 4 | 0 | 14 | CĐR2, 4,5,7,8,9 |
| 3 | Hoạch định | 5 | 0 | 6 | 0 | 22 | CĐR2, 4,5, 7,8,9 |
| 4 | Tổ chức | 5 | 0 | 6 | 0 | 22 | CĐR2, 4,5,7,8,9 |
| 5 | Lãnh đạo | 6 | 0 | 6 | 0 | 24 | CĐR2, 4,5,7,8,9 |
| 6 | Kiểm tra | 3 | 0 | 4 | 0 | 14 | CĐR2, 4,5,7,8,9 |
|  | Tổng | 30 | 0 | 30 | 0 | 120 |  |

HỌC PHẦN: LUẬT KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Luật Kinh tế

Tên học phần tiếng Anh: Economic Laws

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | :...40.......tiết |
| Bài tập | :..........tiết |
| Thảo luận | :......5....tiết |
| Thực hành/thực tập | :..........tiết |
| Tự học | :....90.....tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Luật

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Nắm vững các quy chế về thành lập; đăng ký kinh doanh; tổ chức quản lý; trình tự, thủ tục về giải thể và phá sản; quyền và nghĩa vụ của các loại hình doanh nghiệp.

- Nắm vững pháp luật về Hợp đồng trong kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

*4.2. Kỹ năng:*

Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể thực hiện được:

- Độc lập chuẩn bị hồ sơ pháp lý để đăng ký thành lập doanh nghiệp, giải thể, phá sản doanh nghiệp và xử lý các tình huống trong kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý của doanh nghiệp.

- Soạn thảo được các Hợp đồng trong kinh doanh, nắm được thể thức ký kết các loại hợp đồng trong kinh doanh và cách thức cũng như thủ tục giải quyết tranh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

*4.3. Thái độ:*

Trung thực, khách quan và có trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Luật kinh tế là môn học giảng dạy cho chuyên ngành kế toán, kinh tế lâm nghiệp, kinh tế tài nguyên, quản trị kinh doanh, lâm nghiệp. Kiến thức của môn học này được xây đựng trên cơ sở kiến thức pháp luật đại cương, các môn học Mác-Lê Nin, các môn học về quản lý kinh tế, các môn học về lý thuyết tài chính.

Luật kinh tế là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt nam, nghiên cứu các quy định của pháp luật về kinh tế, giúp sinh viên nắm vững các quy chế thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức quản lý, thủ tục thành lập và giải thể, quyền và nghĩa vụ của các loại doanh nghiệp; pháp luật về hợp đồng kinh doanh, phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh;

6. Chuẩn đầu ra học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | Nắm được các kiến thức chung về Luật kinh tế |
| CĐR2 | Nắm được các quy định pháp luật kinh tế |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR3 | Có khả năng chuẩn bị được hồ sơ thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, xử lý các tình huống kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp |
| CĐR4 | Có khả năng chuẩn bị được hồ sơ thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, xử lý các tình huống kinh doanh liên quan đến hợp tác xã |
| CĐR5 | Có khả năng soạn thảo được hợp đồng, nắm được thể thức ký kết hợp đồng và giải quyết được tranh chấp trong kinh doanh |
|  | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |
| CĐR6 | Có trách nhiệm trong thực hiện các quy định của pháp luật, đồng thời ứng dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | CĐR  học phần |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Giới thiệu chung về luật kinh tế | 4 | 0 | 0 | 0 | 5 | CĐR1    CĐR2  CĐR6 |
| 2 | Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể | 3 | 0 | 2 | 0 | 10 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR6 |
| 3 | Pháp luật về hợp tác xã | 4 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR1  CĐR2  CĐR4  CĐR6 |
| 4 | Pháp luật về công ty | 14 | 0 | 2 | 0 | 25 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR6 |
| 5 | Chế độ pháp lý về hợp đồng kinh doanh | 5 | 0 | 2 | 0 | 15 | CĐR1  CĐR2  CĐR5  CĐR6 |
| 6 | Chế độ pháp lý về phá sản doanh nghiệp | 5 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR6 |
| 7 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh |  |  | 2 |  | 13 | CĐR1  CĐR2  CĐR5  CĐR6 |
|  | Tổng | 40 | 0 | 10 | 0 | 90 |  |

HỌC PHẦN: MARKETING CĂN BẢN

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Marketing căn bản

Tên học phần tiếng Anh: Basic marketing

*1.2. Mã học phần:* MCB4

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 30 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

* Cung cấp các kiến thức cơ bản về marketing và quản trị marketing trong doanh nghiệp;
* Trình bày các yếu tố về môi trường Marketing của doanh nghiệp;
* Cung cấp các kiến thức về thị trường và hành vi của khách hàng;
* Cung cấp các kiến thức về các chính sách marketing hỗn hợp trong doanh nghiệp.

*4.2. Kỹ năng:*

- Xây đựng dược các kế hoạch marketing trong DN;

- Tổ chức quản lý, điều hành được các hoạt động marketing trong DN;

- Xây dựng, đánh giá được các chiến lược marketing trong DN;

*4.3. Thái độ:*

Hiểu và nhận thức rõ được vai trò của marketing trong DN; Yêu nghề và có đạo đức và trách nhiệm với bản thân, DN và xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về marketing: khái niệm, yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản của marketing; các chính sách marketing (4P); công cụ xây dựng kế hoạch, chiến lược marketing trong DN; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoạch định kế hoạch, chiến lược marketing trong DN.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing và QT marketing trong DN. |
| CĐR2 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về môi trường markting. |
| CĐR3 | Hiểu và nắm được các kiến thức về thị trường và khách hàng. |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được những nội dung các chính sách markting (4P) |
| Về kỹ năng | |
| CĐR5 | Xây dựng được kế hoạch marketing trong DN. |
| CĐR6 | Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động marketing trong DN. |
| CĐR7 | Xây dựng, đánh giá được các chiến lược marketing trong DN. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR8 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả | |
| CĐR9 | Có khả năng tự nghiên cứu, học hỏi để cập nhật kiến thức thường xuyên. | |
| CĐR10 | Yêu nghề và có đạo đức và trách nhiệm với bản thân, DN và xã hội. | |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  TT |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về marketing | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR:1 |
| 2 | Môi trường marketing | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR:2, 9, 10 |
| 3 | Thị trường và hành vi của khách hàng | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR:3,8,9,10 |
| 4 | Chiến lược thị trường | 3 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR: 5,6,7,8,  9,10 |
| 5 | Chính sách sản phẩm trong Marketing | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR:3,4, 8,9,10 |
| 6 | Chính sách giá trong Marketing | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR:3,4, 8,9,10 |
| 7 | Chính sách phân phối | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR:3,4, 8,9,10 |
| 8 | Chính sách xúc tiến (truyền thông) MKT | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR:3,4, 8,9,10 |
| 9 | Chiến lược và KH MKT | 3 | 6 | 0 | 0 | 18 | CĐR: 5,7 |
|  | Tổng | 30 | 30 | 0 | 0 | 120 |  |

HỌC PHẦN: Tiếng Anh chuyên ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên môn học

Tên tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành tài chính và ngân hàng

Tên tiếng Anh: English in Finance and Banking

1.2. Mã số học phần: ………………………………….

1.3. Số tín chỉ: 02

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 15 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 15 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 90 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh HP I, II, III

4. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản bằng tiếng Anh về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tiền tệ, ngân hàng, chính sách tài khóa, tài chính doanh nghiệp, thị trường ngoại hối và chứng khoán, thuế, bảng cân đối kế toán và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Môn học góp phần hình thành kỹ năng đọc hiểu và tìm kiếm thông tin trong lĩnh vực kinh tế và tài chính bằng tiếng Anh, đồng thời xây dựng một số kỹ năng làm việc cơ bản nhất trong môi trường sử dụng tiếng Anh như phân tích báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán và thuyết trình kết quả kinh doanh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản, thuật ngữ, từ vựng thông dụng bằng tiếng Anh về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tiền tệ, ngân hàng, chính sách tài khóa, tài chính doanh nghiệp, thị trường ngoại hối và chứng khoán, thuế, bảng cân đối kế toán và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Môn Anh chuyên ngành trang bị cho sinh viên các khái niệm và ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết các vấn đề lý luận (nghiên cứu) và thực tiễn (phân tích đầu tư, phân tích doanh nghiệp). |
| CĐR2 | Môn học đòi hỏi sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành kinh tế, tài chính, kế toán và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Môn học hướng dẫn, đào tạo sinh viên có khả năng soạn thảo và trình bày các văn bản kinh tế, văn bản hành chính, hợp đồng bằng tiếng Anh. |
| CĐR4 | Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả: kỹ năng tổ chức phối hợp với các thành viên trong nhóm, kỹ năng lắng nghe, thu nhận; kỹ năng thuyết trình giảng giải, kỹ năng tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm |
| CĐR5 | Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức: Có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh; Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (các báo cáo tài chính, bản cáo bạch doanh nghiệp niêm yết) từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ. |
| CĐR7 | Thông qua thảo luận, đặt câu hỏi và phản biện, môn học trang bị sinh viên khả năng tư duy đưa đến nhận định và kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ. |
| CĐR8 | Việc đòi hỏi sinh viên nghiên cứu nhóm, thảo luận hình thành năng lực lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể |
| Về phẩm chất đạo đức | |
| CĐR9 | Môn học kết hợp giữa điểm danh, kiểm tra định kỳ và yêu cầu hoàn thành bài tập cũng như kết quả thảo luận nên rèn luyện sinh viên có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật. |
| CĐR10 | Thông qua thảo luận nhóm, trình bày và phản biện hình thành phẩm chất tự tin trong giao tiếp, công nhận thành quả của người khác. |
| CĐR11 | Thực hành thảo luận và đánh giá chéo kết quả của nhóm khác trong nghiên cứu hình thành tinh thần cầu tiến trong học tập cho sinh viên. |
| CĐR12 | Thực hiện thảo luận và làm việc theo nhóm giúp rèn luyện tính trung thực, tin thần trách nhiệm, tính tỉ mỉ và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường làm việc. |
| CĐR13 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. |
| CĐR14 | Với việc làm việc theo nhóm, môn học giúp sinh viên hình thành kỹ năng giao tiếp tốt. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Chương 1: English for Economics and Finance | 5 | 0 | 5 | 0 | 30 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR7; CĐR9 |
| 2 | Chương 2: English for Corporate finance | 5 | 0 | 5 | 0 | 30 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR6; CĐR8; CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12; CĐR13; CĐR14 |
| 3 | Chương 3: English for accounting and financial analysis | 5 | 0 | 5 | 0 | 30 | CĐR1; CĐR3; CĐR4; CĐR5  CĐR6; CĐR8; CĐR9; CĐR10; CĐR11; CĐR12; CĐR13; CĐR14 |

HỌC PHẦN: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tổ chức công tác kế toán

Tên học phần tiếng Anh: Organization of accounting

*1.2. Mã số học phần:* CTKI4

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Về kiến thức*: Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

- Kiến thức cơ sở ngành kế toán, hiểu chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp

- Lĩnh hội được những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính

- Nắm chắc quy trình quy trình tổ chức công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kế toán và quy trình luân chuyển chứng từ

*4.2. Về kỹ năng:* Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

- Sinh viên có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp

- Có được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình

*4.3. Về thái độ:*

- Có đạo đức, trung thực, trách nhiệm nghề nghiệp, cầu thị, tự tin, chủ động, sáng tạo

- Có ý thức, năng lực hợp tác trong công việc

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và sự vận dụng nó vào thực tế cụ thể bao gồm: tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống sổ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu và vận dụng được những kiến thức về luật, chuẩn mực và chế độ kế toán của Việt Nam trong lĩnh vực kế toán |
| CĐR2 | Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống báo cáo, công tác kiểm tra kế toán tổ chức bảo quản và lưu trữ kế toán, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán) trong doanh nghiệp |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Có khả năng thực hiện toàn bộ công việc kế toán từ khâu chứng từ, sổ kế toán đến báo cáo kế toán |
| CĐR4 | Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả: kỹ năng tổ chức phối hợp với các thành viên trong nhóm, kỹ năng lắng nghe, thu nhận; kỹ năng thuyết trình giảng giải, kỹ năng tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR5 | Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR6 | Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật lao động |
| CĐR7 | Có tinh thần hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp |
| CĐR8 | Có kỹ năng giao tiếp tốt |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | | |
| Tên chương | LÊN LỚP | | | | SV tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành, thực tập, BTL |
| 1 | Khái quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 2 | Tổ chức thu nhận thông tin kế toán | 6 | 4 | 2 | 0 | 24 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| 3 | Tổ chức hệ thống hoá, xử lý thông tin kế toán trong doanh nghiệp | 12 | 4 | 2 | 0 | 36 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| 4 | Tổ chức cung cấp thông tin kế toán | 9 | 2 | 2 | 0 | 26 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| 5 | Tổ chức bộ máy kế toán | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
|  | TỔNG | 35 | 10 | 10 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Tên học phần tiếng Anh: Commercial banking

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần phải nắm được những kiến thức nền tảng về các nghiệp vụ ngân hàng như: Huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các nghiệp vụ khác, qua đó sinh viên có được cái nhìn toàn diện về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại.

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể đảm nhiệm được những công việc của một nhân viên ngân hàng như quản trị hồ sơ, quy trình huy động vốn, thẩm định hồ sơ vay vốn khách hàng,...

*4.3 Thái độ*: Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn vai trò của các nghiệp vụ trong hoạt động của ngân hàng thương mại.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ của NHTM và việc vận dụng các nghiệp vụ đó vào thực tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng một cách linh hoạt vào lĩnh vực công tác của mình hoặc nghiên cứu sâu hơn về NHTM. Nội dung môn học trình bày một cách tổng quan các hoạt động chủ yếu mà Luật các tổ chức tín dụng cho phép ngân hàng thương mại có thể thực hiện, bao gồm: Nghiệp vụ huy động vốn; Nghiệp vụ tín dụng; Nghiệp vụ thanh toán; Nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán; Nghiệp vụ cho thuê tài chính; Nghiệp vụ bảo lãnh; Nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán; Nghiệp vụ kinh doanh vàng và ngoại tệ.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Giải thích được các vấn đề cơ bản về tổng quan hoạt động của ngân hàng |
| CĐR2 | Hiểu và nắm được những nội dung liên quan đến nghiệp vụ Huy động vốn của NHTM |
| CĐR3 | Hiểu và nắm được những nội dung liên quan đến nghiệp vụ cấp tín dụng của NHTM |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được những nội dung liên quan đến nghiệp vụ thanh toán của NHTM |
| CĐR5 | Hiểu được một số nội dung liên quan đến các nghiệp vụ khác của NHTM như Nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán, Nghiệp vụ bảo lãnh, Nghiệp vụ cho thuê tài chính, Nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán, Nghiệp vụ kinh doanh vàng và ngoại tệ. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR6 | - Sinh viên biết vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ vào hoạt động thực tiễn tại các NHTM. |
| CĐR7 | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến, kỹ năng làm việc nhóm. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR8 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ. | |
| CĐR9 | Việc đòi hỏi sinh viên phải làm việc nhóm, thảo luận hình thành năng lực lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể | |
| Phẩm chất đạo đức | | |
| CĐR10 | Môn học kết hợp giữa điểm danh, kiểm tra định kỳ và yêu cầu hoàn thành bài tập, kết quả thảo luận cũng như điều kiện dự thi kết thúc học phần nên rèn luyện sinh viên có thái độ chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học và tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận | |
| CĐR11 | Sau khi học xong môn học giúp sinh viên ra trường có tinh thần cầu tiến, học tập không ngừng để nâng cao trình độ. | |
| CĐR12 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. | |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Tổng quan về hoạt động của ngân hàng thương mại | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| 2 | Nghiệp vụ huy động vốn | 5 | 1 | 1 | 0 | 14 | CĐR2, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| 3 | Nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại | 6 | 2 | 2 | 0 | 20 | CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| 4 | Nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng thương mại | 5 | 0 | 2 | 0 | 14 | CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| 5 | Các nghiệp vụ khác của ngân hàng thương mại | 5 | 0 | 2 | 0 | 14 | CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| Tổng |  | 25 | 3 | 7 | 0 | 70 |  |

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUỐC TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1 Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kế toán quốc tế

Tên học phần tiếng Anh: International Accounting

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản, nắm được trình tự và phương pháp Kế toán quốc tế

- Hiểu, giải thích được những vấn đề liên quan đến Kế toán quốc tế

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể nắm được nguyên tắc và phương pháp, thủ tục Kế toán quốc tế, các phần hành và nghiệp vụ chủ yếu.

- Có được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình,…

*4.3 Thái độ*:

- Có đạo đực, trung thực, trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, tự tin, chủ động, sáng tạo

- Có ý thức, năng lực hợp tác trong công việc

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán quốc tế nói chung và các phần hành nghiệp vụ chủ yếu trong kế toán quốc tế. Khái quát về sự hình thành và phát triển của kế toán quốc tế; Tổng quan về hệ thống kế toán Mỹ (các nguyên tắc tổ chức, đặc trưng); Quy trình kế toán căn bản (theo hệ thống kế toán Mỹ); Vận dụng các nguyên tắc kế toán trong từng phần hành kế toán chủ yếu.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu và vận dụng được những kiến thức về luật, chuẩn mực và chế độ kế toán của Kế toán quốc tế trong lĩnh vực kế toán |
| CĐR2 | Vận dụng các kiến thức về Kế toán quốc tế : Từ kế toán các phần hành như Tài sản cố định,Hàng tồn kho, Kế toán phải thu, phải trả.. trong doanh nghiệp nói chung, và áp dụng cụ thể được vào cho doanh nghiệp thương mại hoặc sản xuất. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Có khả năng thực hiện toàn bộ công việc kế toán theo chế độ Kế toán quốc tế , từ chứng từ, định khoản đến sổ sách |
| CĐR4 | Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả: kỹ năng tổ chức phối hợp với các thành viên trong nhóm, kỹ năng lắng nghe, thu nhận; kỹ năng thuyết trình giảng giải, kỹ năng tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR5 | Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR6 | Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật lao động |
| CĐR7 | Có tinh thần hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp |
| CĐR8 | Có kỹ năng giao tiếp tốt |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| LÊN LỚP | | | | | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành, thực tập, BTL | SV tự nghiên cứu, tự học |
| Chương 1 : Khái quát về hệ thống kế toán quốc tế | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| Kế toán tài sản cố định | 4 | 2 | 0 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| Kế toán hàng tồn kho | 3 | 2 | 0 | 0 | 10 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu phải trả | 3 | 2 | 0 | 0 | 10 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| Kế toán trong doanh nghiệp thương mạ | 4 | 4 | 2 | 0 | 20 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
| Kế toán trong doanh nghiệp sản xuất | 4 | 4 | 2 | 0 | 20 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8 |
|  | 20 | 14 | 6 | 0 | 80 |  |

HỌC PHẦN: KINH TẾ LƯỢNG I

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kinh tế lượng I

Tên học phần tiếng Anh: Econometrics I

*1.2. Mã số học phần: KL14*

*1.3. Số tín chỉ: 03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết: | 35 tiết |
| Bài tập: | 20 tiết |
| Thảo luận: | 0 tiết |
| Thực hành/thực tập: | 0 tiết |
| Tự học: | 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Xác suất thống kê

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Hiểu được bản chất của hồi quy và ứng dụng của phân tích hồi quy trong quản lý kinh tế - xã hội. Biết cách xây dựng các mô hình kinh tế lượng phản ánh các mối quan hệ kinh tế - xã hội. Biết cách sử dụng kết quả của các mô hình kinh tế lượng để phân tích, dự báo, và đề xuất các chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

*4.2. Kỹ năng:*

Có kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng để ước lượng các mô hình kinh tế lượng; Kỹ năng khai thác kiến thức trên Internet, tìm số liệu để áp dụng vào các mô hình kinh tế lượng.

*4.3. Thái độ:*

Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu và bài tập về nhà của giảng viên trên lớp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được chia làm 5 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Kinh tế lượng. Kinh tế lượng cơ bản là môn học tập trung vào việc xây dựng, ước lượng, và phân tích các mô hình hồi quy phản ánh mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế-xã hội. Trên cơ sở phân tích kết quả của các mô hình kinh tế lượng, các mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội, các nhà hoạch định chính sách có cơ sở tin cậy để phân tích, dự báo và đề xuất các chính sách hiệu quả để phát triển kinh tế, xã hội.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế lượng và ứng dụng của kinh tế lượng trong hoạch định chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp |
| Về kỹ năng | |
| CĐR2 | Sinh viên có thể sử dụng kết quả của các mô hình kinh tế lượng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp... để từ đó xây dựng, hoạch định và thực hiện các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo |
| CĐR3 | Sinh viên có thể sử dụng kết quả của các mô hình kinh tế lượng để dự báo xu hướng thị trường, giá cả sản phẩm để từ đó có các chiến lược marketing phù hợp để chiếm lĩnh thị trường |
| CĐR4 | Sinh viên sau khi học xong môn Kinh tế lượng 1 sẽ sử dụng thành thạo các phần mềm thống kê chuyên dụng về Kinh tế lượng để ước lượng các mô hình hồi quy phục vụ cho phân tích và hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển doanh nghiệp. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR5 | Sinh viên sau khi học môn Kinh tế lượng 1 có tính trung thực, có nhận thức đúng đắn và trách nhiệm trong việc đề xuất các chiến lược kinh doanh cũng như thực hiện các công việc khác trong xã hội |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Giới thiệu chung về kinh tế lượng 1 | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 2 | Tổng quan về mô hình hồi quy | 6 | 2 | 0 | 0 | 16 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 3 | Mô hình hồi quy tuyến tính | 10 | 5 | 0 | 0 | 30 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 4 | Một số mô hình ứng dụng | 8 | 5 | 0 | 0 | 26 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |
| 5 | Hồi quy với biến giả | 8 | 8 | 0 | 0 | 32 | CĐR1  CĐR2  CĐR3  CĐR4  CĐR5 |

HỌC PHẦN: THỐNG KÊ KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần:

1.1. Tên học phần

- Tên tiếng Việt: Thống kê kinh tế

- Tên tiếng Anh: Economic Statistics

*1.2. Mã số học phần:* TKKT4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Tài chính kế toán

Khoa: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thống kê kinh tế trong nền kinh tế.

*4.2 Kỹ năng*: Sinh viên sau khi ra trường có thể nghiên cứu vận dụng trong thống kê các hoạt động chủ yếu của nền kinh tế quốc dân.

*4.3 Thái độ*:

+ Sinh viên phải có thái độ tích cực trong học tập

+ Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học, có ý thức và năng lực học tập nâng cao kiến thức.

+ Tích cực thảo luận, hợp tác và làm việc, chữa bài tập trong giờ học.

5. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê kinh tế và vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng một cách linh hoạt vào lĩnh vực công tác của mình hoặc nghiên cứu sâu hơn về thống kê kinh tế. Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản bao gồm: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh tế; Thống kê các nguồn lực sản xuất xã hội; Thống kê kết quả sản xuất và lưu thông sản phẩm xã hội; thống kê hiệu quả kinh tế quốc dân của nền sản xuất xã hội; thống kê mức sống dân cư.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Kiến thức |
| CĐR1 | - Môn học thống kê kinh tế vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản để trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn trong nền kinh tế vĩ mô liên quan đến ngành đào tạo. |
|  | Kỹ năng |
| CĐR2 | - Môn học thống kê kinh tế cung cấp các kiến thức về khoa học thống kê trong nền kinh tế nhằm tổ chức thực hiện phân tích dự toán và phân tích kinh doanh. |
| CĐR3 | - Môn học thống kê kinh tế cung cấp cho sinh viên có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ |
| CĐR4 | * Môn học thống kê kinh tế cung cấp cho sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả: kỹ năng tổ chức phối hợp với các thành viên trong nhóm, kỹ năng lắng nghe, thu nhận; kỹ năng thuyết trình giảng giải, kỹ năng tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm |
| CĐR5 | - Môn học thống kê kinh tế cung cấp kỹ năng sử dụng phần mềm word để viết báo cáo, kỹ năng sử dụng phần mềm powerpoint để thuyết trình. |
|  | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |
| CĐR6 | - Môn học thống kê kinh tế giúp sinh viên có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao |
| CĐR7 | - Môn học thống kê kinh tế giúp sinh viên có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể |
|  | Phẩm chât đạo đức |
| CĐR8 | - Sau khi học xong môn học thống kê kinh tế sinh viên ra trường có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ. |
| CĐR9 | * Sau khi học xong môn học thống kê kinh tế sinh viên ra trường có trách nhiệm và đáng tin cậy, tỷ mỉ, nguyên tắc và tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường. |
| CĐR10 | * Sau khi học xong môn học thống kê kinh tế sinh viên có tinh thần hợp tác, có tinh thần làm việc nhóm và giúp đỡ đồng nghiệp. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương |  | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
|  | Lên lớp | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh tế | 06 | 04 | 0 | 0 | 20 | CĐR1; CĐR7, CĐR8, CĐR10 |
| 2 | Chương 2: Thống kê nguồn lực sản xuất xã hội | 10 | 04 | 0 | 0 | 28 | CĐR1;  CĐR2,  CĐR3,  CĐR7, CĐR8, CĐR10 |
| 3 | Chương 3: Thống kê kết quả sản xuất và lưu thông sản phẩm xã hội | 08 | 04 | 0 | 0 | 24 | CĐR1;  CĐR2,  CĐR3,  CĐR4, CĐR6,  CDDR8, CĐR10 |
| 4 | Chương 4: Thống kê hiệu quả kinh tế quốc dân của nền sản xuất xã hội | 08 | 04 | 0 | 0 | 24 | CĐR1;  CĐR2,  CĐR4,  CĐR 26, CĐR8, CĐR10 |
| 5 | Chương 5: Thống kê mức sống dân cư | 03 | 04 | 0 | 0 | 14 | CĐR1;  CĐR2,  CĐR3,  CĐR4, CĐR 9, CĐR7, CĐR10 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản trị nhân lực

Tên học phần tiếng Anh: Human Resource Management

*1.2. Mã số học phần:* QTN4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 30 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về nhân lực trong doanh nghiệp;

- Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về công tác quản trị nhân lực trong doanh nghiệp: lập kế hoạch nhân lực, tuyển dụng, sắp xếp, đánh giá, phát triển nguồn nhân lực.

- Giới thiệu các chính sách liên quan đến công tác quản trị nhân lực và việc vận dụng trong thực tế.

*4.2. Kỹ năng:*

- Cung cấp công cụ, kỹ năng để xây dựng các kế hoạch quản trị nhân lực

- Cung cấp công cụ, kỹ năng tổ chức, triển khai các hoạt động chức năng cơ bản của quản trị nhân lực của doanh nghiệp như: lập kế hoạch nhân lực, tuyển dụng, sắp xếp, đánh giá, phát triển nguồn nhân lực.

- Cung cấp các kỹ năng phân tích chính sách nhân lực có liên quan.

*4.3. Thái độ:*

Định hướng nhận thức đúng đắn của sinh viên về hoạt động quản trị nhân lực trong doanh nghiệp giúp nâng cao năng lực và đạo đức trong hoạt động nghề.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến tầm quan trọng của quản trị nhân lực trong các tổ chức, quá trình phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên trong tổ chức, công tác tuyển dụng và đãi ngộ nhằm tạo động lực cho người lao động, từ đó đạt được những mục tiêu và kế hoạch mà tổ chức đã đề ra.

6. Chuẩn đầu ra của môn học

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu được kiến thức về quản trị nhân lực trong các tổ chức và doanh nghiệp. |
| CĐR2 | Hiểu và vận dụng được những kiến thức về nghệ thuật quản trị con người trong các tổ chức và doanh nghiệp. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR5 | Có kỹ năng phân tích công việc, lập kế hoạch tuyển dụng, phân công công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc. |
| CĐR6 | Có khả năng soạn thảo và trình bày các văn bản hành chính trong lĩnh vực quản trị nhân lực như hợp đồng lao động, thông báo tuyển dụng… |
| CĐR 7 | Đánh giá được tính hợp lý và đề xuất được các cải tiến cho quy trình tuyển dụng, đào tạo, phát triển của doanh nghiệp |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR8 | Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau |
| CĐR9 | Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn |
| CĐR 10 | Chủ động trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. |
| CĐR 11 | Tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra  (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về Quản trị nhân lực | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR1, 2,11 |
| 2 | Phân tích công việc | 3 | 4 | 2 | 0 | 18 | CĐR1, 2,8 |
| 3 | Định mức lao động | 4 | 2 | 2 | 0 | 16 | CĐR 1, 2,9,10,11 |
| 4 | Kế hoạch hóa nguồn nhân lực | 4 | 0 | 2 | 0 | 16 | CĐR 1, 2,3,6,9,10,11 |
| 5 | Tuyển dụng nhân lực | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 | CĐR 1, 2,4,7,9,10,11 |
| 6 | Đào tạo và phát triển nhân lực | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR 1, 2,5,9,10,11 |
| 7 | Đánh giá thực hiện công việc | 3 | 2 | 2 | 0 | 14 | CĐR 1, 2,4,6,7,9,10,11 |
| 8 | Công tác quản lý tiền công và tiền lương trong tổ chức | 4 | 4 | 2 | 0 | 20 | CĐR 1, 2,4,6,7, 9 |
| 9 | Quan hệ lao động | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR 1, 2,4,6,7, 9 |
|  | Tổng | 30 | 12 | 18 | 0 | 120 |  |

HỌC PHẦN: KINH TẾ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kinh tế đầu tư

Tên học phần tiếng Anh: Economics of Investment

*1.2. Mã số học phần:* KTE4

*1.3. Số tín chỉ: 03*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết: | 35 tiết |
| Bài tập: | 20 tiết |
| Thảo luận: | 0 tiết |
| Thực hành/thực tập: | 0 tiết |
| Tự học: | 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

+ Các vấn đề lý luận cơ bản về ĐTPT (khái niệm và đặc điểm của đầu tư và ĐTPT; Vốn và Nguồn vốn ĐTPT, các hình thức đầu tư, đặc trưng cơ bản của hoạt động ĐTPT và vai trò của ĐTPT trong nền kinh tế...)

+ Các vấn đề cơ bản về quản lý và kế hoạch hóa hoạt động ĐTPT.

*4.2. Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể biết cách đánh giá và lựa chọn được các phương án đầu tư có hiệu quả

*4.3. Thái độ*: Tự tin, chủ động, sáng tạo, trung thực trong nghiên cứu và công tác; Say mê nghiên cứu, có trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao trong lĩnh vực chuyên môn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kinh tế đầu tư là môn khoa học nghiên các vấn đề lý luận và thực tiễn về ĐTPT. Về lý luận, môn học chủ yếu trang bị các khái niệm có liên quan đến hoạt động ĐTPT, vai trò, đặc điểm của hoạt động ĐTPT; Vốn, Nguồn vốn và điều kiện để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho ĐTPT; các quy định của nhà nước trong hoạt động ĐTPT. Môn học đi sâu phân tích khía cạnh kinh tế của hoạt động ĐTPT giúp sinh viên có thể đưa ra những sự lựa chọn đầu tư đúng đắn và hiệu quả.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển trong nền kinh tế |
| CĐR2 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về quản lý Nhà nước đối với hoạt động đầu tư. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Có khả năng đánh giá và lựa chọn được phương án đầu tư có hiệu quả. |
| CĐR4 | Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản lý quá trình lập và thẩm định dự án đầu tư. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR5 | Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về ĐTPT | 5 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR1, CĐR5 |
| 2 | Vốn và nguồn vốn của ĐTPT | 6 | 0 | 0 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR5 |
| 3 | Môi trường đầu tư | 6 | 0 | 0 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR5 |
| 4 | Đầu tư công | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR1, CĐR2, CĐR5 |
| 5 | Quản lý nhà nước về đầu tư | 6 | 0 | 0 | 0 | 12 | CĐR1, CĐR2, CĐR4, CĐR5 |
| 6 | Kết quả và hiệu quả của ĐTPT | 4 | 20 | 0 | 0 | 48 | CĐR1, CĐR3, CĐR5 |
| 7 | Quản lý đầu tư theo dự án | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5 |

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Tên học phần tiếng Anh: Research Methods in Economics

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 02*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết: | 25 tiết |
| Bài tập: | 10 tiết |
| Thảo luận: | 0 tiết |
| Thực hành/thực tập: | 0 tiết |
| Tự học: | 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Kinh tế

Khoa: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức*

Nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng để tổ chức và tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế-xã hội.

Sau khi học xong môn học sinh viên phải nắm được các kỹ năng để áp dụng vào tổ chức và tiến hành được các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế-xã hội.

*4.2. Kỹ năng*

Sau khi học xong môn học sinh viên biết cách tiến hành được các bước của một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế-xã hội bao gồm: xây dựng phiếu điều tra, thu thập số liệu, phân tích số liệu, viết báo cáo.

*4.3. Thái độ*

Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn Phương pháp nghiên cứu kinh tế là một học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành kinh tế đồng thời là môn học tự chọn cho các ngành học khác như Quản trị kinh doanh, Kế toán... Nội dung của môn học tập trung vào việc trang bị các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích số liệu để tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế-xã hội.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học và nghiên cứu khoa học |
| CĐR2 | Nắm vững quy trình nghiên cứu, các phương pháp thu thập, phân tích số liệu và Phương pháp viết báo cáo khoa học |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Xây dựng được đề cương chi tiết của một nghiên cứu khoa học. |
| CĐR4 | Sử dụng được các phương pháp thu thập và phân tích số liệu thích hợp cho từng thể loại đề tài nghiên cứu. |
| CĐR5 | Viết và trình bày được các kết quả nghiên cứu khoa học |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR6 | Chủ động tích cực, tự giác học tập và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên trên lớp. |

7. Phân bố giờ thời gian

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập/Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Giới thiệu chung về phương pháp nghiên cứu kinh tế | 3 | 0 | 0 | 6 | CĐR 1,2 |
| 2 | Quy trình của nghiên cứu kinh tế | 4 | 2 | 0 | 12 | CĐR2,3 |
| 3 | Phương pháp thu thập số liệu | 7 | 2 | 0 | 18 | CĐR 2,3,4 |
| 4 | Phương pháp phân tích số liệu | 6 | 4 | 0 | 20 | CĐR 2,3,4,5 |
| 5 | Phương pháp viết và trình bày kết quả nghiên cứu | 5 | 2 | 0 | 14 | CĐR 5,6 |
|  | Tổng | 25 | 10 | 0 | 70 |  |

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

1. Thông tin chung về môn học

+ Tên tiếng Việt: Kế toán tài chính 1

+ Tên tiếng Anh: Finance and Accounting 1

2. Số tín chỉ: 4

+ Mã số môn học: KC14

+ Nhóm ngành: 4

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 50 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 10 tiết

+ Làm bài tập lớn: 10 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

4. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học:

Bộ môn Tài chính kế toán - Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh

Điện thoại: 0904 081 282

5. Mục tiêu môn học:

+ Về kiến thức:

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản, nắm được trình tự và phương pháp kế toán các phần hành trong doanh nghiệp.

- Hiểu, giải thích được những vấn đề liên quan đến hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

+ Về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể làm được:

- Thực hiện được công tác hạch toán kế toán các phần hành trong doanh nghiệp

- Thực hiện được việc ghi chép vào các sổ sách kế toán và lập được các báo cáo tài chính cuối kỳ.

+ Về thái độ:

Nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp như: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả, kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán vay, nợ trong DN, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, báo cáo tài chính...

7. Điều kiện tiên quyết:

Nguyên lý kế toán

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

1.Tên môn học (học phần):

Tên tiếng Việt: Kế toán tài chính 2

Tên tiếng Anh: Finance and Accounting 2

2. Số tín chỉ:3

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

- Lý thuyết: 25

- Bài tập:20

4. Mục tiêu, yêu cầu của môn học:

*4.1- Mục tiêu môn học*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể về nội dung, phương pháp, quy trình kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu nhằm cung cấp các thông tin tài chính cho quản lý doanh nghiệp.

*4.2- Yêu cầu môn học*

*+ Yêu cầu về mặt kiến thức:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản, quy trình và phương pháp hạch toán kế toán,tính toán và cung cấp các thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định trong doanh nghiệp.

*+ Yêu cầu về mặt kỹ năng:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể làm được:

- Thực hiện được công tác hạch toán kế toán trong một số loại hình doanh nghiệp.

- Thực hiện được việc tính toán và tổng hợp các thông tin cần thiết làm căn cứ cho việc ra các quyết định trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*+ Về thái độ, chuyên cần*

Nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

5. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính I

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp: Kế toán hoạt động kinh doanh thương mại nội địa; Kế toán lưu chuyển hàng hóa trong kinh doanh xuất nhập khẩu; Kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ; Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; Kế toán doanh nghiệp nhận thầu xây lắp; Kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1. Thông tin chung về môn học

+ Tên tiếng Việt: Kế toán quản trị

+ Tên tiếng Anh: Management accounting

2. Số tín chỉ: 3

+ Mã số môn học: KTF4

+ Nhóm ngành: 4

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 10 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

4. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học:

Bộ môn Tài chính kế toán - Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh

Điện thoại: 0904 081 282

5. Mục tiêu môn học:

+ Về kiến thức:

Sau khi học xong môn học này, học sinh phải giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản về tập hợp và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; tính toán và cung cấp các thông tin nội bộ phục vụ cho việc ra các quyết định mang tính tác nghiệp ngắn hạn trong quản trị kinh doanh ở đơn vị cơ sở.

+ Về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể làm được:

- Thực hiện được việc phân loại và tập hợp chi phí theo các tiêu thức cần thiết cho công tác quản trị Doanh nghiệp

- Lập được các bảng dự toán cho nhu cầu SXKD của Doanh nghiệp

- Thực hiện được việc tính toán và tổng hợp các thông tin cần thiết làm căn cứ cho việc ra các quyết định ngắn hạn trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích được chi phí sản xuất kinh doanh, rút ra những kết luận phục vụ quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Về thái độ:

Trung thực, thận trọng, khách quan, tôn trọng lợi ích của các bên liên quan trong và ngoài doanh nghiệp.

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Kế toán quản trị sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp thu thập, xử lý thông tin phục vụ công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp như: phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng với lợi nhuận; phân tích các thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định trong quản trị; lập dự toán chi phí kinh doanh...

7. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

HỌC PHẦN: KIỂM TOÁN

1. Thông tin chung về môn học

+ Tên tiếng Việt: Kiểm toán

+ Tên tiếng Anh: Auditing

2. Số tín chỉ: 3

+ Mã số môn học: KTO4

+ Nhóm ngành: 4

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 5 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

4. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học:

Bộ môn Tài chính kế toán - Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh

Điện thoại: 0904 081 282

5. Mục tiêu môn học:

+ Về kiến thức:

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản trong kiểm toán, nắm được trình tự và phương pháp kiểm toán trong doanh nghiệp.

- Hiểu, giải thích được những vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

+ Về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể nắm được nguyên tắc và phương pháp, thủ tục kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

+ Về thái độ:

Nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về kiểm toán; Một số khái niệm cơ bản trong kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán; Chuẩn mực kiểm toán

7. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

HỌC PHẦN: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về môn học:

+ Tên tiếng Việt: Thống kê doanh nghiệp

+ Tên tiếng Anh: *Statistical enterprises*

1. Số tín chỉ: 3

+ Mã số môn học: TKD4

+ Nhóm ngành: 4

1. Phân bổ thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 10 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

1. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tài chính kế toán, Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh.

Điện thoại: 0904081282

1. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp

- Về kỹ năng

Sau khi được trang bị kiến thức cơ bản của môn học này, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích kết quả quản lý sử dụng các nguồn lực, kết quả sản xuất kinh doanh trong đơn vị.

- Về thái độ:

+ Sinh viên phải có thái độ tích cực trong học tập

+ Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học, có ý thức và năng lực học tập nâng cao kiến thức.

+ Tích cực thảo luận, hợp tác và làm việc theo nhóm trong các chuyên đề trong chương trình học.

1. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp và sự vận dụng nó vào thực tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng một cách linh hoạt vào lĩnh vực công tác của mình hoặc nghiên cứu sâu hơn về thống kê doanh nghiệp. Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về hệ thống các phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong thống kê doanh nghiệp, hoạch định các chiến lược kinh doanh, trong dự báo và phân tích kinh kế, lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và tổn thất….

1. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

1. Tên môn học ( học phần ):

Tên tiếng Việt: Quản lý tài chính công

Tên tiếng Anh: Public finance management

1. Số tín chỉ: 2
2. Phân bổ thời gian loại giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 25 tiết

Bài tập, thảo luận: 5 tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Học phần | TT chương | Tên chương | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thảo luận/Bài tập |
|  | 1 | Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công | 3 | 3 | 0 |
|  | 2 | Những vấn đề chung về NSNN và quản lý NSNN | 3 | 3 | 0 |
|  | 3 | Quản lý thu NSNN | 5 | 4 | 1 |
|  | 4 | Quản lý chi NSNN | 6 | 5 | 1 |
|  | 5 | Tổ chức cân đối NSNN | 5 | 4 | 1 |
|  | 6 | Quản lý các quỹ tài chính công ngoài NSNN | 4 | 3 | 1 |
|  | 7 | Quản lý hoạt động tín dụng nhà nước | 4 | 3 | 1 |

1. Mục tiêu, yêu cầu môn học:

4.1 Mục tiêu:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, các hoạt động quản lý tài chính công chủ yếu trong nền kinh tế.

4.2 Yêu cầu:

*- Về kiến thức:*

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, các hoạt động quản lý tài chính công chủ yếu.

*- Về kỹ năng:*

Sinh viên sau khi ra trường có thể nghiên cứu vận dụng trong quản lý tài chính vĩ mô và vi mô, nghiên cứu sâu hơn về quản lý tài chính công trong nền kinh tế.

*- Về thái độ:* Có thái độ trung thực, khách quan, năng động và linh hoạt trong vận dụng lý luận vào thực tiễn.

1. Điều kiện tiên quyết:
2. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần tập trung cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về tài chính công bao gồm: Lý luận chung về tài chính công và quản lý tài chính công; Các hoạt động quản lý tài chính công chủ yếu như quản lý ngân sách nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước, quản lý các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước, quản lý hoạt động tín dụng nhà nước.

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN NGÂN SÁCH

1. Tên môn học (học phần):

Tên tiếng Việt: Kế toán ngân sách

Tên tiếng Anh: Budget Accounting

2. Số tín chỉ: 3

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

- Lý thuyết: 35 tiết

- Thảo luận: 5 tiết

- Bài tập: 5 tiết

Chi tiết:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thảo luận | Bài tập |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề chung về Kế toán ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước | 5 | 4 | 1 | 0 |
| 2 | Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán liên kho bạc | 6,5 | 6 | 0 | 0,5 |
| 3 | Chương 3: Kế toán ngân sách nhà nước | 18,5 | 14 | 2 | 2,5 |
| 4 | Chương 4: Kế toán vay nợ của nhà nước thông qua Kho bạc Nhà nước | 8 | 6 | 1 | 1 |
| 5 | Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại Kho bạc Nhà nước | 4 | 2 | 1 | 1 |
| 6 | Báo cáo tài chính | 3 | 3 | 0 | 0 |

4. Mục tiêu, yêu cầu của môn học:

*4.1- Mục tiêu môn học*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách và các nghiệp vụ kế toán trong KBNN.

Trang bị cho sinh viên kỹ năng hạch toán nghiệp vụ cơ bản phát sinh tại KBNN.

*4.2- Yêu cầu môn học*

*+ Yêu cầu về mặt kiến thức:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước, các nghiệp vụ kế toán ngân sách tại KBNN.

*+ Yêu cầu về mặt kỹ năng:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên hạch toán được các nghiệp vụ phát sinh tại Kho bạc nhà nước.

*+ Về thái độ, chuyên cần*

Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp

Chuẩn bị trước nội dung trong bài học trước khi đến lớp.

5. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các KBNN liên quan đến thu chi ngân sách nhà nước, đến hạch toán các quỹ tài chính nhà nước, các khoản vay nợ qua kho bạc nhà nước.

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kế toán hành chính sự nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: Accounting business career

*1.2. Mã học phần:* KTH4

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn này sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản:

- Những vấn đề chung về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

*4.2. Kỹ năng:* Sau khi học xong môn học sinh viên có thể:

- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Lập được một số chứng từ kế toán cơ bản trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Lập được sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cảo quyết toán.

*4.3. Thái độ:*

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học lý thuyết, các giờ bài tập trên lớp; Tích cực tham gia xây dựng bài và làm bài tập ở nhà đầy đủ; Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ.

- Nhận thức đúng đắn vai trò của công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về HTKT trong các đơn vị HCSN như: Những vấn đề cơ bản về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp. Nội dung kế toán các phần hành chủ yếu trong đơn vị HCSN gồm: kế toán vốn bằng tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa; kế toán tài sản cố định; kế toán các khoản thanh toán; kế toán các nguồn vốn, quỹ; kKế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả; báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trong đơn vị HCSN.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu được những vấn đề cơ bản về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, |
| CĐR2 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về kế toán tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |
| CĐR3 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về kế toán tài sản cố định và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về kế toán các khoản thanh toán và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |
| CĐR5 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về kế toán các nguồn vốn, quỹ và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |
| CĐR6 | Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |
| CĐR7 | Hiểu, nắm được và lập được một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR8 | Sau khi học xong môn học sinh viên biết được đối tượng và phạm vi các cơ quan, đơn vị áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. |
| CĐR9 | Sinh viên biết được nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung phản ánh và phương pháp hạch toán kế toán các hoạt động kinh tế chủ yếu vào các tài khoản kế toán thuộc các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. |
| CĐR10 | Sinh viên biết được nội dung và phương pháp lập một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán. |
| CĐR11 | Môn học kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, lắng nghe, phát biểu ý kiến và kỹ năng làm việc nhóm. |
| CĐR12 | Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng tiếp cận và khai thác các thông tin cơ bản về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định liên quan đến công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR13 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ. | |
| CĐR14 | Việc đòi hỏi sinh viên phải làm việc nhóm, thảo luận hình thành năng lực lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể. | |
| Về thái độ và phẩm chất đạo đức | | |
| CĐR15 | Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kế toán trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ nghiêm túc, đúng đắn khi tham gia công tác kế toán các đơn vị sự nghiệp. | |
| CĐR16 | Sau khi học xong môn học giúp sinh viên ra trường có tinh thần cầu tiến, học tập không ngừng để nâng cao trình độ. | |
| CĐR17 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. | |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |  |  |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về kế toán đơn vị HCSN | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1, CĐR8, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17. |
| 2 | Kế toán tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa | 6 | 4 | 0 | 0 | 20 | CĐR2, CĐR9, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 3 | Kế toán tài sản cố định | 8 | 6 | 0 | 0 | 28 | CĐR3, CĐR9, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 4 | Kế toán các khoản thanh toán | 6 | 2 | 0 | 0 | 16 | CĐR4, CĐR9, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 5 | Kế toán các nguồn vốn, quỹ | 3 | 2 | 0 | 0 | 10 | CĐR5, CĐR9, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 6 | Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả | 8 | 6 | 0 | 0 | 28 | CĐR6, CĐR9, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 7 | Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | CĐR7, CĐR10, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
|  | TỔNG | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: Corporate Finance

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

+ Những vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính doanh nghiệp

+ Những công tác quản lý tài chính chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

+ Đưa ra được các quyết định tài trợ vốn, quản lý sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

+ Đưa ra quyết định nhằm giúp doanh nghiệp ngăn chặn rủi ro tài chính góp phần làm tăng giá trị lợi nhuận của doanh nghiệp

+ Đánh giá được tính khả thi của các dự án đầu tư phục vụ cho việc ra quyết định dài hạn trong doanh nghiệp

+ Phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp

*4.3 Thái độ*: Có thái độ trung thực, khách quan, năng động và linh hoạt trong vận dụng lý luận vào thực tiễn

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học tập trung cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về quản lý tài chính doanh nghiệp bao gồm: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp; vốn kinh doanh của doanh nghiệp; quản lý doanh thu, chi phí lợi nhuận và đầu tư dài hạn, phân tích và kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp…

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Sinh viên hiểu và nắm được các vấn đề tổng quan về tài chính doanh nghiệp và nội dung của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. |
| CĐR2 | Hiểu rõ và nắm được các chỉ tiêu tài chính và các kỹ năng phân tích, đánh giá hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. |
| CĐR3 | Hiểu và nắm được các phương pháp đánh giá lựa chọn dự án đầu tư trong doanh nghiệp |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được những đặc trưng của từng loại hình doanh nghiệp |
| CĐR5 | Hiểu và nắm được nội dung báo cáo tài chính, cách thức đọc hiểu và phân tích, dự báo tình hình tài chính trong doanh nghiệp. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR6 | Sau khi học xong môn học, sinh viên biết vận dụng kiến thức để lập kế hoạch tài chính, phân tích được tình hình tài chính trong doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu tài chính được học, đánh giá và lựa chọn quyết định đầu tư. |
| CĐR7 | Môn học giúp sinh viên có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. |
| CĐR8 | Môn học giúp sinh viên tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR9 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc. |
| CĐR10 | Thông qua làm việc theo nhóm, thảo luận trên lớp hình thành năng lực lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR11 | Môn học kết hợp giữa điểm danh, kiểm tra định kỳ và yêu cầu hoàn thành bài tập, kết quả thảo luận cũng như điều kiện dự thi kết thúc học phần nên rèn luyện sinh viên có thái độ chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học và tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận, rèn luyện thái độ đúng đắn về nghề nghiệp. |
| CĐR12 | Thực hành thảo luận và đánh giá chéo kết quả của nhóm khác trong nghiên cứu giúp sinh viên hình thành tinh thần cầu tiến, học tập không ngừng để nâng cao trình độ. |
| CĐR13 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Tổng quan về tài chính doanh nghiệp | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1,CĐR8, CĐR9,CĐR10, CĐR11, CĐR12,CĐR13 |
| 2 | Vốn kinh doanh của doanh nghiệp | 10 | 6 | 0 | 0 | 38 | CĐR2,CĐR6,  CĐR8,CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
| 3 | Chi phí sử dụng vốn, cơ cấu nguồn vốn và tài trợ vốn của doanh nghiệp | 5 | 4 | 0 | 0 | 21 | CĐR2,CĐR6, CĐR7,CĐR8,  CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
| 4 | Quản lý chi phí, doanh thu và lợi nhuận trong doanh nghiệp | 6 | 4 | 0 | 0 | 27 | CĐR2,CĐR6, CĐR7,CĐR8,  CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
| 5 | Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp | 5 | 6 | 0 | 0 | 7 | CĐR3,CĐR6, CĐR7,CĐR8,  CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
| 6 | Cổ tức của công ty cổ phần | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR4,CĐR6, CĐR7,CĐR8,  CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
| 7 | Kế hoạch hóa và phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR5,CĐR6, CĐR7,CĐR8,  CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12,CĐR13 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

1.Tên môn học:

Tên tiếng Việt: Kế toán trên máy vi tính

Tên tiếng Anh: Computerized accounting

2. Số tín chỉ: 4

3. Phân bố thời gian loại giờ tín chỉ:

- Lý thuyết: 20

- Thực hành: 25

4. Mục tiêu, yêu cầu của môn học:

*4.1- Mục tiêu môn học*

* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, về nguyên lý hoạt động của phần mềm kế toán máy nói chung và phần mềm MISA SME.NET 2015 nói riêng.
* Trang bị cho sinh viên kỹ năng xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kết xuất các báo cáo tài chính, quản trị trên phần mềm MISA SME.NET 2015

*4.2- Yêu cầu của môn học*

*+ Về mặt kiến thức:*

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được nguyên lý hoạt động của phần mềm kế toán, nắm được quy trình xử lý chứng từ trên phần mềm kế toán.

- Sinh viên phải nắm được nguyên tắc hạch toán chung, quy trình hoạt động của các phần hành, cho đến việc thực hành trên phần mềm MISA SME.NET 2015

.*+ Về mặt kỹ năng:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể làm được:

- Thực hiện được công tác hạch toán kế toán các phần hành trong doanh nghiệp trên phần mềm kế toán máy.

- Thực hiện được việc kết xuất các báo cáo tài chính, quản trị phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp

*+ Về thái độ, chuyên cần*

Nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

5. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính I

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về về hệ thống phần mềm kế toán, về nguyên lý hoạt động của phần mềm kế toán máy nói chung và phần mềm MISA SME.NET 2015 nói riêng. Sinh viên được trang bị kiến thức cũng như kỹ năng để xử lý các chứng từ kế toán phát sinh trên các phân hệ của phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015.

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ KINH DOANH 1

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản trị kinh doanh 1

Tên học phần tiếng Anh: Business Administration 1

*1.2. Mã số học phần:* QT14

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức*: Sau khi học xong môn học, sinh viên phải giải thích được:

+ Các vấn đề cơ bản về quản trị kinh doanh (Khái niệm, nội dung, nguyên tắc và phương pháp của quản trị kinh doanh…).

+ Nhiệm vụ và nội dung hoạt động của cán bộ quản trị kinh doanh.

+ Nội dung quản trị trong các lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp

*4.2. Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể làm được:

+ Lập được các phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện các phương án và kế hoạch SXKD.

*4.3. Thái độ*: Nhận thức đúng đắn về đạo đức và văn hoá kinh doanh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Quản trị kinh doanh là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản trị kinh doanh như: Doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, phương pháp quản trị, nhà quản trị, tổ chức quản trị và tổ chức quản lý các quá trình, các yếu sản xuất trong doanh nghiệp như: Quản trị quá trình sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị cung ứng vật tư, quản trị công nghệ - kỹ thuật và chất lượng sản phẩm… Ngoài những vấn đề lý luận cơ bản trên môn học cũng trang bị những kiên thức về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về QTKD | 8 | 0 | 2 | 0 | 20 |
| 2 | Quản trị sản xuất trong DN | 5 | 2 | 2 | 0 | 18 |
| 3 | Quản trị nhân lực trong DN | 4 | 4 | 2 | 0 | 20 |
| 4 | Quản trị vật tư và công nghệ KT trong DN | 5 | 2 | 2 | 0 | 18 |
| 5 | Quản trị chất lượng sản phẩm trong DN | 4 | 0 | 2 | 0 | 12 |
| 6 | Quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm | 5 | 2 | 0 | 0 | 14 |
| 7 | Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 |
|  | Tổng | 35 | 10 | 10 | 0 | 110 |

HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH KINH DOANH

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Phân tích kinh doanh

Tên học phần tiếng Anh: Business Analysis

*1.2. Mã số học phần:* PHD4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê, Kế toán tài chính 1

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích kinh doanh, tập trung vào phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, các yếu tố nguồn lực trong doanh nghiệp sản xuất.

*4.2 Kỹ năng*: Nâng cao, hoàn thiện cho sinh viên khả năng tổng hợp, phân tích các yếu tố nguồn lực: lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động và kết quả sản xuất kinh doanh của một đơn vị sản xuất.

*4.3 Thái độ*: Nhận thức đúng đắn vai trò của phân tích kinh doanh và công tác phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

"Phân tích kinh doanh" là môn học trang bị các kiến thức về tổng hợp và phân tích các vấn đề trong phạm vi doanh nghiệp: từ khâu thu mua nguyên vật liệu, sử dụng lao động, tài sản cố định đến khâu sản xuất và tiêu thụ, đánh giá khái quát về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Môn học Phân tích kinh doanh trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết các vấn đề lý luận (nghiên cứu) và thực tiễn (phân tích đầu tư, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích tài chính…). |
| CĐR2 | Môn học đòi hỏi sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức tổng hợp về lập kế hoạch cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch tài chính, phân tích và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phân tích tài chính doanh nghiệp. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Môn học Phân tích kinh doanh trang bị và hướng dẫn cho sinh viên các kĩ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, phân tích tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính doanh nghiệp. |
| CĐR4 | Môn học hướng dẫn sinh viên các kỹ năng tìm kiếm tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin của doanh nghiệp và hệ thống các văn bản pháp quy liên quan tới phân tích hoạt động kinh doanh. |
| CĐR5 | Môn học có những nội dung yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả làm việc theo nhóm, tiến hành thảo luận từ đó hình thành tư duy tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện, kỹ năng nghe và phân tích, kỹ năng thuyết trình |
| CĐR6 | Môn học yêu cầu sinh viên thuyết trình và trình bày kết quả nghiên cứu bằng word, excel và powerpoint, rèn luyện kĩ năng sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR7 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (các báo cáo tài chính, số liệu thống kê, số liệu kế toán…) từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ. |
| CĐR8 | Thông qua thảo luận, đặt câu hỏi và phản biện, môn học trang bị sinh viên khả năng tư duy đưa đến nhận định và kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ, đưa ra quyết định quản lý – kinh doanh. |
| CĐR9 | Việc đòi hỏi sinh viên nghiên cứu nhóm, thảo luận hình thành năng lực lãnh đạo, lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR10 | Môn học kết hợp giữa điểm danh, kiểm tra thường xuyên và định kỳ và yêu cầu hoàn thành bài tập cũng như kết quả thảo luận nên rèn luyện sinh viên có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật. |
| CĐR11 | Thông qua thảo luận nhóm, trình bày và phản biện hình thành phẩm chất tự tin trong giao tiếp, công nhận thành quả của người khác. |
| CĐR12 | Thực hành bài tập thảo luận và đánh giá chéo kết quả của sinh viên/ nhóm khác trong nghiên cứu hình thành tinh thần cầu tiến trong học tập cho sinh viên. |
| CĐR13 | Thực hiện thảo luận và làm việc theo nhóm giúp rèn luyện tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường làm việc. |
| CĐR14 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. |
| CĐR15 | Với việc làm việc theo nhóm, môn học giúp sinh viên hình thành kỹ năng giao tiếp tốt. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH,TT/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản của phân tích kinh doanh | 5 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
| 2 | Phân tích kết quả hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp | 7 | 4 | 0 | 0 | 22 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
| 3 | Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất | 9 | 4 | 0 | 0 | 26 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
| 4 | Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm | 7 | 4 | 0 | 0 | 22 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
| 5 | Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
| 6 | Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR1; CĐR2;  CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6;  CĐR7; CĐR8;  CĐR9; CĐR10;  CĐR11; CĐR12;  CĐR13;CĐR14  CĐR15 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kế toán ngân hàng

Tên học phần tiếng Anh: Acounting in banking

*1.2. Mã số học phần:* QLD4

*1.3. Số tín chỉ: 2*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

- Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu, giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản, nắm được trình tự và phương pháp Kế toán ngân hàng

- Hiểu, giải thích được những vấn đề liên quan đến Kế toán ngân hàng

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

- Có khả năng thu thập chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại ngân hàng

- Có khả năng phân tích những guyên tắc và phương pháp, thủ tục Kế toán ngân hàng và báo cáo Kế toán ngân hàng.

*4.3 Thái độ*:

- Sinh viên nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

- Sinh viên nhận thức đúng đắn vai trò của công tác hạch toán kế toán trong

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kế toán ngân hàng là môn học trang bị các kiến thức cơ bản về kế toán trong các ngân hàng thương mại, bao gồm: Tổng quan kế kế toán ngân hàng, Kế toán nghiệp vụ huy động vốn, Kế toán thanh toán qua ngân hàng, kế toán nghiệp vụ cho vay, Báo cáo tài chính tổ chức tín dụng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu được bản chất của hạch toán kế toán, nắm được những nguyên tắc bản của hạch toán kế toán với các nghiệp vụ ngân hàng thương mại |
| CĐR2 | Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ huy động vốn trong ngân hàng thương mại |
| CĐR3 | Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng thương mại |
| CĐR4 | Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ cho vay trong ngân hàng thương mại |
| CĐR5 | Hiểu và nắm được nội dung cơ bản về nội dung báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng |
| Về kỹ năng | |
| CĐR6 | - Sinh viên biết định khoản kế toán, hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại ngân hàng, thu thập các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phương pháp lập báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng. |
| CĐR7 | - Môn học Kế toán ngân hàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng mềm như kỹ năng trao đổi, thảo luận, lắng nghe, phát biểu ý kiến và kỹ năng làm việc nhóm. |
| CĐR8 | Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng tiếp cận và khai thác các thông tin cơ bản về tình hình tài chính kế toán của ngân hàng thương mại; Hệ thống các văn bản pháp quy liên quan tới kế toán trong các tổ chức tín dụng |
| CĐR9 | Môn học rèn luyện cho sinh viên kĩ năng sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản (word, excel), sử dụng được một số thuật ngữ trong kế toán bằng tiếng anh. |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR10 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu học tập, từ đó tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. |
| CĐR11 | Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, phát huy trí tuệ tập thể |
| Về thái độ, phẩm chất đạo đức | |
| CĐR12 | Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kế toán trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ nghiêm túc, đúng đắn khi tham gia công tác hạch toán kế toán các tổ chức tín dụng. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Tổng quan về kế toán ngân hàng | 3 | 0 | 1 | 0 | 8 | CĐR1 – CĐR6  CĐR7 – CĐR8  CĐR9 – CĐR10  CĐR11 – CĐR12 |
| 2 | Kế toán nghiệp vụ huy động vốn | 6 | 3 | 0 | 0 | 18 | CĐR2 – CĐR6  CĐR7 – CĐR8  CĐR9 – CĐR10  CĐR11 – CĐR12 |
| 3 | Kế toán thanh toán qua ngân hàng | 5 | 3 | 0 | 0 | 16 | CĐR3 – CĐR6  CĐR7 – CĐR8  CĐR9 – CĐR10  CĐR11 – CĐR12CĐR4 - PC4 |
| 4 | Kế toán nghiệp vụ cho vay | 6 | 2 | 0 | 0 | 16 | CĐR4 – CĐR6  CĐR7 – CĐR8  CĐR9 – CĐR10  CĐR11 – CĐR12 |
| 5 | Báo cáo tài chính TCTD | 5 | 0 | 1 | 0 | 12 | CĐR5 – CĐR6  CĐR7 – CĐR8  CĐR9 – CĐR10  CĐR11 – CĐR12 |
|  | Tổng | 25 | 8 | 2 | 0 | 70 |  |

HỌC PHẦN: THUẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Thuế

Tên học phần tiếng Anh: Tax

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

- Hiểu được những kiến thức chung về các sắc thuế và công tác quản lý thuế

- Nắm vững các nội dung cơ bản về luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

- Sơ lược hiểu được cách tính và cách kê khai một số loại thuế chủ yếu hiện nay

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

- Sinh viên xác định được các sắc thuế áp dụng trong từng nghiệp vụ kinh tế

- Năm được quy trình, thực hiện được các công tác kê khai, quyết toán và nộp tiền các sắc thuế.

*4.3 Thái độ*:

- Sinh viên phải có thái độ tích cực trong học tập, cụ thể:

+ Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học, có ý thức và năng lực học tập nâng cao kiến thức.

+ Tích cực thảo luận, hợp tác và làm việc theo nhóm trong các chuyên đề trong chương trình học

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các sắc thuế và công tác quản lý thuế, bao gồm: Những vấn đề tổng quan về thuế, thuế gía trị gia tang, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các sắc thuế khác, …

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Sinh viên hiểu và nắm được các vấn đề tổng quan về thuế và các sắc thuế trong hệ thống thuế tại Việt Nam. |
| CĐR2 | Hiểu rõ và nắm được cách tính một số sắc thuế chủ yếu trong doanh nghiệp. |
| CĐR3 | Hiểu và nắm rõ được thủ tục hành chính về thuế, trình tự kê khai, nộp một số loại thuế chủ yếu trong doanh nghiệp |
| CĐR4 | Hiểu và nắm được luật quản lý thuế. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR5 | Sau khi học xong môn học, sinh viên biết vận dụng kiến thức để tính toán được một số loại thuế chủ yếu trong doanh nghiệp. |
| CĐR6 | Môn học giúp sinh viên có kỹ năng lập báo cáo thuế và cách thức kê khai, nộp thuế trong doanh nghiệp |
| CĐR7 | Môn học giúp sinh viên tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ về thuế. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR8 | Môn học đòi hỏi sinh viên tự nghiên cứu tài liệu từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc. |
| CĐR9 | Thông qua làm việc theo nhóm, thảo luận trên lớp hình thành năng lực lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR10 | Môn học kết hợp giữa điểm danh, kiểm tra định kỳ và yêu cầu hoàn thành bài tập, kết quả thảo luận cũng như điều kiện dự thi kết thúc học phần nên rèn luyện sinh viên có thái độ chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học và tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận, rèn luyện thái độ đúng đắn về nghề nghiệp. |
| CĐR11 | Thực hành thảo luận và đánh giá chéo kết quả của nhóm khác trong nghiên cứu giúp sinh viên hình thành tinh thần cầu tiến, học tập không ngừng để nâng cao trình độ. |
| CĐR12 | Thông qua làm việc theo nhóm giúp sinh viên hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Tổng quan về thuế | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR1,CĐR7, CĐR8,CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
| 4 | Thuế xuất nhập khẩu | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
| 5 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
| 6 | Thuế thu nhập cá nhân | 3 | 4 | 0 | 0 | 14 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
| 7 | Các loại thuế khác | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7,  CĐR8, CĐR9, CĐR10,CĐR11,CĐR12 |
|  | Tổng | 20 | 20 | 0 | 0 | 80 |  |

HỌC PHẦN: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Thông tin chung về môn học

+Tên tiếng Anh: Stock Market

+Tên tiếng Việt: Thị Trường Chứng Khoán

1. Số tín chỉ: 3

+ Mã số môn học: TCK4

+ Nhóm ngành: 4

1. Phân bổ thời gian loại giờ tín chỉ:

+ Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết

+ Làm bài tập, thảo luận trên lớp: 10 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Tự học: 0

1. Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tài chính kế toán, Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh.

Điện thoại: 0904081282

1. Mục tiêu môn học

*\* Về kiến thức:*

- Hiểu được những kiến thức chung về thị trường chứng khoán, hoạt động của thị trường chứng khoán và giao dịch trong thị trường chứng khoán.

- Nắm vững đặc điểm của các loại chứng khoán điển hình và ứng dụng của chúng trong thực tế

- Sơ lược hiểu được quá trình phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và quản lý đầu tư chứng khoán.

*\* Về kỹ năng:*

- Sinh viên sau khi ra trường có thể tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán

- Thảo luận, đánh giá và đưa ra những quan điểm đầu tư về một số doanh nghiệp trên sàn chứng khoán

- Thực hiện phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, đưa ra được những nhận xét trên cơ sở tài liệu các doanh nghiệp cung cấp

*\* Về thái độ:*

- Sinh viên phải có thái độ tích cực trong học tập, cụ thể:

+ Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học, có ý thức và năng lực học tập nâng cao kiến thức.

+ Tích cực thảo luận, hợp tác và làm việc theo nhóm trong các chuyên đề trong chương trình học

1. Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần tập trung cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về thị trường chứng khoán bao gồm: Tổng quan về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Cơ cấu tổ chức thị trường chứng khoán; Các hoạt động của thị trường chứng khoán; Phương pháp phân tích cơ bản trong đầu tư chứng khoán và giới thiệu một phần phương pháp phân tích kỹ thuật.

HỌC PHẦN: THANH TOÁN QUỐC TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Thanh toán quốc tế

Tên học phần tiếng Anh: International liquidate

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập | : 10 tiết |
| Thảo luận | : 10 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Sau khi học xong môn học, sinh viên cần phải giải thích được những khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế, hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản về ngoại hối, tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái. Hiểu được các phương tiện thanh toán quốc tế như (Hối phiếu, kỳ phiếu, séc,thẻ điện tử). Hiểu được nguyên tắc, mối quan hệ của cán cân thanh toán quốc tế. Trình bày được những vấn đề cơ bản về các phương thức thanh toán quốc tế.

*4.2. Kỹ năng:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần phải:

+ Tính toán được các cặp tỷ giá hối đoái mua vào và bán ra

+ Phân tích được tình hình biến động tỷ giá hối đoái của các đơn vị kinh tế có quan hệ thanh toán quốc tế.

+ Lập, trình bày và phân tích được bảng cán cân thanh toán quốc tế

*4.3. Thái độ:* Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động thanh toán quốc tế trong nền kinh tế quốc dân, có thái độ đúng đắn khi tham gia vào các quan hệ tài chính trong thanh toán quốc tế

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế và sự vận dụng nó vào thực tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng một cách linh hoạt vào lĩnh vực công tác của mình hoặc nghiên cứu sâu hơn về thanh toán quốc tế như: Tổng quan về thanh toán quốc tế; Hối đoái; Các phương tiện thanh toán quốc tế; Cán cân thanh toán quốc tế; Các phương thức thanh toán quốc tế, pháp luật về ngoại hối và luật các công cụ chuyển nhượng....Ngoài phần lý thuyết, phần thảo luận và bài tập là các vấn đề thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR 1 | Sau khi học phần kiến thức ngành, sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về kế toán xuất nhập khẩu, tài chính quốc tế… |
| Về kỹ năng | |
| CĐR 2 | - Áp dụng, tính toán được các cặp tỷ giá hối đoái  - Phân tích được tình hình biến động tỷ giá hối đoái  - Lập và phân tích được bảng cán cân thanh toán quốc tế  - Đánh giá và đưa ra được các ý kiến về các tình huống phát sinh trong thanh toán quốc tế |
| CĐR 3 | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có các kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề để có thể làm việc hiệu quả và đáp ứng nhanh với yêu cầu công việc |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR 4 | Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân: có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, yêu nghề và trung thực là một công dân có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. |
| CĐR 5 | Trách nhiệm đạo đức, tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ |
| CĐR 6 | Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp đã học, có thái độ phục vụ và trách nhiệm nghề nghiệp tốt. |
| CĐR 7 | Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc |
| CĐR 8 | Sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt, có năng lực đổi mới và sáng tạo |
| CĐR 9 | Chuyên viên, trưởng phó các phòng kinh doanh, Marketing, tài chính kế toán, nhân sự trong DN trong và ngoài nước, các tập đoàn kinh tế |
| CĐR 10 | Chuyên viên, chuyên gia, nhà quản lý trong các ban quản lý dự án, các tổ chức phi chính phủ |
| CĐR 11 | Chuyên viên, nhà quản lý trong các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế |
| CĐR 12 | Giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tư vấn trong các đơn vị đạo tạo và nghiên cứu về Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước. |

*(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom*

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | SV tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Tổng quan về thanh toán quốc tế | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR 1,  CĐR 2,  CĐR 3,  CĐR 4,  CĐR 5,  CĐR 6,  CĐR 7,  CĐR 8,  CĐR 9,  CĐR 10,  CĐR 11,  CĐR 12 |
| 2 | Hối đoái | 9 | 4 | 2 | 0 | 30 | CĐR 1,  CĐR 2,  CĐR 3,  CĐR 4,  CĐR 5,  CĐR 6,  CĐR 7,  CĐR 8,  CĐR 9,  CĐR 10,  CĐR 11,  CĐR 12 |
| 3 | Các phương tiện thanh toán quốc tế | 4 | 4 | 2 | 0 | 20 | CĐR 1,  CĐR 2,  CĐR 3,  CĐR 4,  CĐR 5,  CĐR 6,  CĐR 7,  CĐR 8,  CĐR 9,  CĐR 10,  CĐR 11,  CĐR 12 |
| 4 | Cán cân thanh toán quốc tế | 3 | 2 | 2 | 0 | 14 | CĐR 1,  CĐR 2,  CĐR 3,  CĐR 4,  CĐR 5,  CĐR 6,  CĐR 7,  CĐR 8,  CĐR 9,  CĐR 10,  CĐR 11,  CĐR 12 |
| 5 | Các phương thức thanh toán quốc tế | 2 | 0 | 2 | 0 | 8 | CĐR 1,  CĐR 2,  CĐR 3,  CĐR 4,  CĐR 5,  CĐR 6,  CĐR 7,  CĐR 8,  CĐR 9,  CĐR 10,  CĐR 11,  CĐR 12 |
|  | Tổng | 20 | 10 | 10 | 0 | 80 |  |

HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: *Financial corporate analysis*

*1.2. Mã số học phần:* TCDN4

*1.3. Số tín chỉ: 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết TC |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 110 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ, Nguyên lý thống kê, Kế toán tài chính 1

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Ngoài việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp, môn học còn trang bị cho sinh viên có được hệ thống các phương pháp, cho phép đánh giá tình hình tài chính đã qua và hiện nay, dự đoán tình hình tài chính trong tương lai của doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý đưa ra các quyết định quản lý hợp lý, phù hợp với mục tiêu mà doanh nghiệp quan tâm.

*4.2. Kỹ năng*:

Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và dự báo các vấn đề về tài chính trong một doanh nghiệp.

- Sử dụng các công cụ để phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp, trên cơ sở đó giúp cho việc kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn và khả năng huy động các nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích được chính sách đầu tư, chính sách phân phối kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

- Đánh giá được khả năng sinh lợi và dự báo được các rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

*4.3. Thái độ*:

Sinh viên có nhận thức đúng đắn vai trò của phân tích tài chính doanh nghiệp và công tác phân tích tài chính trong doanh nghiệp. Sinh viên có ý thức kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn, có sự tự đánh giá của bản thân về các vấn đề thực tiễn thông qua các tình huống thực tế trong giáo trình và các Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã sưu tầm. Biết cách vận dụng để xem xét, đánh giá trong thực tiễn để đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và an toàn về mặt tài chính cho doanh nghiệp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

"Phân tích tài chính doanh nghiệp" là môn học trang bị các kiến thức về tổng hợp và phân tích các vấn đề tài chính trong phạm vi doanh nghiệp: chính sách tài chính, tình hình sử dụng vốn, các chính sách phân phối lợi nhuận, phân tích tiềm lực tài chính, phân tích rủi ro, phân tích tình hình tăng trưởng và dự báo tài chính doanh nghiệp, với cơ sở dữ liệu là hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp trước khi đưa ra các quyết định kinh doanh. Đồng thời, môn học cũng giúp người học căn cứ vào hệ thống báo cáo tài chính của các kỳ đã qua để phân tích một cách khách quan về tình hình tài chính, khả năng sinh lời, dự báo về triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của phân tích tài chính trong doanh nghiệp như: các kỹ thuật và phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc tổ chức phân tích trong doanh nghiệp, dự báo rủi ro và dự báo báo cáo tài chính doanh nghiệp là cơ sở để lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả,... |
| CĐR2 | Có khả năng vận dụng các kiến thức tổng hợp về lập kế hoạch tài chính, phân tích và đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp. |
| Về kỹ năng | |
| CĐR3 | Có các kĩ năng lập luận, tư duy hệ thống và đọc và phân tích báo cáo tài chính, phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp. |
| CĐR4 | Có các kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin của doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường, các doanh nghiệp nói chung và hệ thống các văn bản pháp quy liên quan tới phân tích tài chính. |
| CĐR5 | Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả: kỹ năng tổ chức phối hợp với các thành viên trong nhóm, kỹ năng lắng nghe, thu nhận; kỹ năng thuyết trình giảng giải, kỹ năng tổng hợp ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm. |
| CĐR6 | Có kỹ năng sử dụng máy tính, tin học, phục vụ tính toán các chỉ tiêu trong phân tích tài chính doanh nghiệp |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR7 | Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu (các báo cáo tài chính, số liệu thống kê, số liệu kế toán…) từ đó trang bị năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ. |
| CĐR8 | Có khả năng tư duy đưa đến nhận định và kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ, đưa ra quyết định quản lý tài chính. |
| CĐR9 | Có khả năng làm việc, nghiên cứu theo nhóm, thảo luận hình thành năng lực lãnh đạo, lập kế hoạch, phân phối công việc và phát huy trí tuệ tập thể |
| Phẩm chất đạo đức | |
| CĐR10 | Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật. |
| CĐR11 | Có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ.. |
| CĐR12 | Có tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, tính tỉ mỉ và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường làm việc và hình thành tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc qua đó góp phần hoàn thiện kỹ năng giao tiếp của sinh viên. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT Chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH, TT/ BTL |
| 1 | Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1; CĐR4; CĐR10 |
| 2 | Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | CĐR1; CĐR3; CĐR7; CĐR8; CĐR10 |
| 3 | Phân tích chính sách tài chính của doanh nghiệp | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6; CĐR7; CĐR8; CĐR10; ĐR11; |
| 4 | Phân tích tình hình sử dụng vốn trong doanh nghiệp | 4 | 4 | 0 | 0 | 16 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6; CĐR7; CĐR8; CĐR10;CĐR11; CĐR12 |
| 5 | Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp | 10 | 6 | 0 | 0 | 32 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6; CĐR7; CĐR8; CĐR9; CĐR10; CĐR11; CĐR12 |
| 6 | Phân tích tình hình tăng trưởng và dự báo tài chính doanh nghiệp | 11 | 6 | 0 | 0 | 34 | CĐR1; CĐR2; CĐR3; CĐR4; CĐR5; CĐR6; CĐR7; CĐR8; CĐR9; CĐR10; CĐR11; CĐR12 |
|  | Tổng | 35 | 20 | 0 | 0 | 110 |  |

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp nâng cao

Tên học phần tiếng Anh: Advanced Corporate Finance

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 70 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

+ Sinh viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về hoạt động tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

+ Có khả năng đưa ra quyết định nhằm giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro góp phần làm tăng tỷ suất sinh lợi từ hoạt động kinh doanh.

+ Tính toán được chi phí sử dụng của mỗi loại vốn và đưa ra quyết định lựa chọn tỷ trọng nguồn vốn huy động phù hợp, đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp.

+ Phân tích được tác động của các đòn bẩy đến quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hiểu được các vấn đề tài chính phát sinh trong các hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp như mua bán, sáp nhập, hợp nhất, phá sản.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học tập trung cung cấp những kiến thức cho sinh viên về quản lý tài chính doanh nghiệp bao gồm: Rủi ro trong kinh doanh và tỷ suất sinh lời, Ứng dụng chi phí sử dụng vốn trong đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư, Tác động của đòn bẩy lên doanh lợi và quyết định cấu trúc tài chính, Định giá tài sản và vấn đề tài chính trong hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
|  | Về kiến thức |
| CĐR1 | Hiểu được thế nào là rủi ro, tỷ suất sinh lời, mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời |
| CĐR2 | Nắm được kiến thức về các loại vốn mà DN có thể huy động, chi phí sử dụng mỗi loại vốn, chi phí sử dụng vốn cận biên và cách ứng dụng vào lựa chọn dự án đầu tư |
| CĐR3 | Hiểu được tác động của các đòn bẩy lên doanh lợi và quyết định cấu trúc tài chính |
| CĐR4 | Nắm được các vấn đề tài chính có thể phát sinh trong quá trình mua bán, sáp nhập, hợp nhất và phá sản doanh nghiệp |
|  | Về kỹ năng |
| CĐR5 | Có kỹ năng tính toán, dự phòng rủi ro, tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp tỷ suất lợi nhuận tương ứng với khả năng chịu rủi ro của doanh nghiệp |
| CĐR6 | Có kỹ năng tính toán chi phí sử dụng từng loại vốn mà doanh nghiệp có thể huy động; phân tích được ưu, nhược điểm của từng loại vốn và lựa chọn tỷ trọng vốn cho doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định |
| CĐR7 | Sử dụng được các công cụ đòn bẩy tài chính, đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tổng hợp để nâng cao tỷ suất sinh lời và doanh thu |
| CĐR8 | Giải quyết được những vấn đề tài chính trong việc mua bán, sáp nhập, hợp nhất và phá sản doanh nghiệp |
|  | Về năng lực tự chủ và trách nhiệm |
| CĐR9 | Chủ động làm bài tập về nhà và chuẩn bị bài giảng, tài liệu trước khi đến lớp, trước giờ thảo luận, thuyết trình |
| CĐR10 | Có năng lực tự nghiên cứu, lập kế hoạch, điều phối và tự chịu trách nhiệm với mọi công tác mà mình thực hiện |
|  | Về thái độ, phẩm chất đạo đức |
| CĐR11 | Chấp hành đúng nội quy, chương trình môn học, tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, thảo luận. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của tài chính doanh nghiệp trong quản trị doanh nghiệp. |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Rủi ro trong kinh doanh và tỷ suất sinh lời | 5 | 2 | 0 | 0 | 14 | CĐR 1  CĐR 5  CĐR 9  CĐR 11 |
| 2 | Ứng dụng chi phí sử dụng vốn trong đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư | 7 | 2 | 0 | 0 | 18 | CĐR 2  CĐR 6  CĐR 9  CĐR 10  CĐR 11 |
| 3 | Tác động đòn bẩy lên doanh lợi và quyết định cấu trúc tài chính | 7 | 4 | 0 | 0 | 22 | CĐR 3  CĐR 7  CĐR 9  CĐR 10  CĐR 11 |
| 4 | Vấn đề tài chính trong việc mua bán, sáp nhập, hợp nhất và phá sản doanh nghiệp | 6 | 2 | 0 | 0 | 16 | CĐR 4  CĐR 8  CĐR 9  CĐR 10  CĐR 11 |
|  | Tổng | 25 | 10 | 0 | 0 | 70 |  |

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ KINH DOANH 2

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản trị kinh doanh 2

Tên học phần tiếng Anh: Business Management 2

*1.2. Mã số học phần:* QT24

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 35 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 10 tiết |
| Bài tập lớn | : 15 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Quản trị kinh doanh 1

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau Sau khi học xong môn học sinh viên phải nắm được:

+ Quản trị tài chính và phân tích tài chính trong doanh nghiệp

+ Quản trị kết quả, hiệu quả trong doanh nghiệp

+ Quản trị các hoạt động thanh toán trong doanh nghiệp

+ Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể làm được:

+ Phân tích tình hình tài chính trong doanh nghiệp

+ Phân tích được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

+ Đánh giá, phân tích được sự thay đổi trong doanh nghiệp

*4.3 Thái độ*: Nhận thức đúng đắn về đạo đức và văn hoá kinh doanh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Quản trị kinh doanh II là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về công tác quản trị tài chính, quản trị kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị các hoạt động thanh toán. Ngoài ra học phần này cũng trang bị những kiên thức về quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Quản trị tài chính trong doanh nghiệp | 12 | 6 | 0 | 0 | 36 |
| 2 | Quản trị kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp | 8 | 4 | 0 | 0 | 24 |
| 3 | Quản trị các hoạt động thanh toán trong doanh nghiệp | 7 | 0 | 0 | 0 | 14 |
| 4 | Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp | 8 | 0 | 0 | 0 | 16 |
|  | Bài tập lớn |  |  |  | 15 | 45 |
|  | Tổng | 35 | 10 | 0 | 15 | 120 |

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản trị kinh doanh thương mại

Tên học phần tiếng Anh: Commercial Business Management

*1.2. Mã số học phần:* QTH4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 30 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 120 tiết |

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

Sau khi học xong môn học sinh viên phải nắm được các lý luận cơ bản về quản trị kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp

*4.2.Kỹ năng:*

+ Tổ chức các phương án mua, bán và dự trữ vật tư, hàng hoá

+ Tổ chức dịch vụ trong quá trình tiêu thụ sản phẩm

*4.3.Thái độ:*

Có nhận thức đúng đắn về vai trò của quản trị kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại và quản trị kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp như mua hàng, tạo nguồn hàng, quản trị hàng tồn kho, quản trị bán hàng, quản trị xuất nhập khẩu trong doanh nghiệp.

6.Chuẩn đầu ra của môn học

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR3 | Nắm được kiến thức về quản trị kinh doanh thương mại như: lựa chọn nguồn hàng, mua hàng, bán hàng, tổ chức xuất nhập khẩu trong doanh nghiệp |
| Về kỹ năng | |
| CĐR8 | Nghiên cứu, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp |
| CĐR10 | Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề |
| Về thái độ | |
| CĐR13 | Có thái độ đúng đắn về nghề kinh doanh thương mại, yêu nghề và trung thực, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng |
| CĐR15 | Có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về môn học |
| CĐR16 | Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo |
| CĐR17 | Có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt |
| Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | |
| CĐR18 | Làm chủ các doanh nghiệp kinh doanh thương mại |
| CĐR19 | Chuyên viên, trưởng phó phòng kinh doanh, Marketing, nhân sự trong các doanh nghiệp |
| CĐR23 | Giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tư vấn trong các đơn vị đào tạo |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra  (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về kinh doanh thương mại | 5 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR3, CĐR8, CĐR 13, CĐR 14, CĐR15 |
| 2 | Doanh nghiệp thương mại và môi trường kinh doanh thương mại | 6 | 0 | 6 | 0 | 24 | CĐR8, CĐR10, CĐR 13, CĐR 14, CĐR15 |
| 3 | Quản trị mua hàng và dự trữ hàng hóa | 6 | 2 | 4 | 0 | 24 | CĐR3,  CĐR13, CĐR14, CĐR15 |
| 4 | Quản trị bán hàng | 6 | 0 | 8 | 0 | 28 | CĐR3,  CĐR13, CĐR14, CĐR15 |
| 5 | Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu | 7 | 10 | 0 | 0 | 34 | CĐR3,  CĐR13, CĐR14, CĐR15 |
| Tổng | | 30 | 12 | 18 | 0 | 120 |  |

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Quản lý dự án

Tên học phần tiếng Anh: Project Management

*1.2. Mã số học phần:* QLD4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 30 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 15 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 130 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được

+ Hiểu được các khái niệm cơ bản và bản chất của dự án

+ Hiểu được nội dung cơ bản của dự án

+ Hiểu được nội dung quản lý dự án

+ Hiểu được các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính, kinh tế- xã hội dự án.

*4.2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

+ Có khả năng xây dựng và phân tích một dự án hoàn chỉnh.

+ Có khả năng tổ chức quản lý và đánh giá dự án trong thực tiễn

*4.3 Thái độ*: Nhận thức đúng đắn vai trò của dự án và công tác quản lý dự án đầu tư.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Quản lý dự án đầu tư là môn học trang bị các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, gồm: Các khái niệm, đặc trưng và nội dung một dự án đầu tư ; các kiến thức về quản lý dự án: xây dựng bộ máy quản lý, tổ chức quản lý các yếu tố của dự án; cung cấp các kiến thức về chỉ tiêu hiệu quả và phương thức đánh giá hiệu quả dự án đầu tư.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Dự án và Chu trình | 6 | 0 | 2 | 0 | 16 |
| 2 | Xây dựng dự án | 4 | 0 | 4 | 0 | 16 |
| 3 | Phân tích dự án | 8 | 6 | 0 | 0 | 28 |
| 4 | Thẩm định dự án | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 |
| 5 | Quản lý dự án | 8 | 6 | 2 | 0 | 28 |
| 6 | Bài tập lớn | 0 | 0 | 0 | 15 | 30 |
|  | Tổng | 30 | 12 | 8 | 15 | 130 |

HỌC PHẦN: TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

Tên học phần tiếng Anh: Applied Informatics in Business Management

*1.2. Mã số học phần:* THQ4

*1.3. Số tín chỉ:* 03

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 25 tiết |
| Bài tập | : 0 tiết |
| Thảo luận | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 20 tiết |
| Tự học | : 130 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Quản trị doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải nắm được:

- Các kiến thức cơ bản về sử dụng phần mềm MS Excel.

- Biết tổ chức dữ liệu và vận dụng phần mềm MS Excel trong công tác quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

*4.2. Kỹ năng:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải thực hiện được:

- Các thao tác cơ bản trên bảng tính Excel.

- Sử dụng được một số chương trình của MS Excel phục vụ cho công tác quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

*4.3. Thái độ:* Nhận thức đúng đắn về vai trò của tin học trong quản trị kinh doanh.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Tin học ứng dụng trong Quản lý kinh tế được xây dựng trên cơ sở khai thác và sử dụng các tiện ích của phần mềm MS. Excel phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong công tác quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp (tiết) | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học (tiết) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Khái quát về phần mềm MS. Excel | 5 | 0 | 0 | 8 | 26 |
| 2 | Tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu trên MS. Excel | 5 | 0 | 0 | 8 | 26 |
| 3 | Phân tích số liệu và dự báo kinh tế trên MS. Excel | 5 | 0 | 0 | 8 | 26 |
| 4 | Phân tích tài chính trên MS. Excel | 5 | 0 | 0 | 8 | 26 |
| 5 | Giải các bài toán kinh tế trên MS. Excel | 5 | 0 | 0 | 8 | 26 |
|  | Tổng | 25 | 0 | 0 | 40 | 130 |

HỌC PHẦN: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Thương mại điện tử

Tên học phần tiếng Anh: Electronic commerce

*1.2. Mã số học phần:* THMA4

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 20 tiết |
| Bài tập/ Thảo luận | : 20 tiết |
| Bài tập lớn | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1.Kiến thức:

Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

- Khái niệm, các hình thức thương mại điện tử

- Các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, thanh toán điện tử, ứng dụng về marketing điện tử

4.2.Kỹ năng:

Nắm được các quy trình kinh doanh của các mô hình TMĐT, các bước triển khai marketing điện tử

4.3.Thái độ:

Có nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động thương mại điện tử trong doanh nghiệp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Thương mại điện tử là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các mô hình kinh doanh điện tử, một số vấn đề về an toàn, bảo mật trong thương mại điện tử, phương thức thanh toán điện tử cũng như các ứng dụng marketing điện tử.

6.Chuẩn đầu ra của môn học

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR3 | Có kiến thức về thương mại điện tử như: khái niệm, đặc điểm, cơ sở hạ tầng trong TMĐT, các mô hình kinh doanh TMĐT, thanh toán điện tử, Marketing điện tử |
| Về kỹ năng | |
| CĐR4 | Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh |
| CĐR7 | Sử dụng được một số công nghệ thông tin để áp dụng vào môn học |
| CĐR8 | Nghiên cứu, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp |
| CĐR9 | Tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động Marketing |
| CĐR10 | Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề |
| Về thái độ | |
| CĐR13 | Có thái độ đúng đắn về nghề bán hàng, yêu nghề và trung thực, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng |
| CĐR15 | Có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về môn học |
| CĐR16 | Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo |
| CĐR17 | Có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt |
| Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | |
| CĐR18 | Làm chủ các doanh nghiệp |
| CĐR19 | Chuyên viên, trưởng phó phòng kinh doanh, Marketing, nhân sự trong các doanh nghiệp |
| CĐR23 | Giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tư vấn trong các đơn vị đào tạo |

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập/ BTL |
| 1 | Những vấn đề cơ bản vể thương mại điện tử | 3 | 0 | 2 | 0 | 10 | CĐR3,CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 2 | Cơ sở hạ tầng trong thương mại điện tử | 4 | 0 | 0 | 0 | 8 | CĐR3,CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 3 | Mô hình kinh doanh thương mại điện tử | 3 | 0 | 6 | 0 | 18 | CĐR4,CĐR7, CĐR8,  CĐR10,CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 4 | Marketing điện tử | 4 | 0 | 4 | 0 | 16 | CĐR9, CĐR10,  CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 5 | Thanh toán điện tử | 3 | 0 | 4 | 0 | 14 | CĐR3, CĐR7, CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
| 6 | An ninh trong thương mại điện tử | 3 | 0 | 4 | 0 | 14 | CĐR3,  CĐR13, CĐR15, CĐR16, CĐR17 |
|  | Tổng | 20 | 0 | 20 | 0 | 80 |  |

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Kỹ năng làm việc nhóm

Tên học phần tiếng Anh: Teamwork Skills

*1.2. Mã số học phần: LVNK4*

*1.3. Số tín chỉ:*

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | : 15 tiết |
| Bài tập | : 30 tiết |
| Thảo luận | : 0 tiết |
| Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| Tự học | : 90 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên cần nắm được:

+ Những lý luận cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm

+ Phương pháp tổ chức và quản trị nhóm

4.2. Kỹ năng: Sau khi học xong môn học, sinh viên cần thực hiện được:

+ Xây dựng, tổ chức nhóm

+ Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm để tổ chức và thúc đẩy nhóm làm việc hiệu quả

4.3. Thái độ: Nhận thức đúng đắn vai trò và ý nghĩa của làm việc nhóm

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

"Kỹ năng làm việc nhóm" là môn học trang bị các kiến thức về nhóm làm việc, tổ chức nhóm và các kỹ năng làm việc nhóm.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Tên chương | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành, thực tập |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về nhóm làm việc | 7 | 6 | 0 | 0 | 26 |
| 2 | Thông tin và truyền thông trong nhóm | 3 | 10 | 0 | 0 | 26 |
| 3 | Quy trình làm việc nhóm | 5 | 14 | 0 | 0 | 38 |
|  | Tổng | 15 | 30 | 0 | 0 | 90 |

HỌC PHẦN: CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ

1. Thông tin chung về học phần

*1.1. Tên học phần*

Tên học phần tiếng Việt: Chuẩn mực kế toán quốc tế

Tên học phần tiếng Anh: International Accounting Standarts

*1.2. Mã số học phần: ……*

*1.3. Số tín chỉ: 2*

|  |  |
| --- | --- |
| - Lý thuyết: 20 tiết |  |
| - Bài tập: 20 tiết |  |
| -Thực hành/thực tập | : 0 tiết |
| - Tự học | : 80 tiết |

*(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)*

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

4. Mục tiêu của học phần

*4.1- Kiến thức:*

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế; các nội dung cơ bản của Chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành. Áp dụng một số nội dung và nguyên tắc của chuẩn mực kế toán quốc tế vào kế toán doanh nghiệp.

Sau khi học xong môn học này, sinh viên phải hiểu,giải thích được các kiến thức lý luận cơ bản, nắm được nội dung và áp dụng được một số nội dung chuẩn mực kế toán quốc tế trong kế toán doanh nghiệp.

Hiểu, giải thích được những vấn đề liên quan đến chuẩn mực hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

4.2 *Kỹ năng:*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên làm được:

-Vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế trong một số nội dung cơ bản.

- Vận dụng được 1 số nội dung chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào lập hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Nhận thức được ý nghĩa thực tế và tầm quan trọng của môn học. Có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn. Trung thực, thận trọng, khách quan, xử lý tốt các mối quan hệ xã hội trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán quốc tế như : những vấn đề của chuẩn mực kế toán quốc tế, các chuẩn mực kế toán về tài sản, chuẩn mực về chi phí, doanh thu, nợ phải trả và các chuẩn mực khác, chuẩn mực về báo cáo tài chính...

6. Chuẩn đầu ra của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| Về kiến thức | |
| CĐR1  CĐR 2  CĐR3  CĐR 4 | - Môn học Chuẩn mực kế toán quốc tế vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề của chuẩn mực kế toán quốc tế.  - Môn học Chuẩn mực kế toán quốc tế vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chuẩn mực kế toán về tài sản.  - Môn học Chuẩn mực kế toán quốc tế vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuẩn mực về chi phí, doanh thu, nợ phải trả và các chuẩn mực khác  - Môn học Chuẩn mực kế toán quốc tế vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuẩn mực về báo cáo tài chính... |
| Về kỹ năng | |
| CĐR 5 | Có khả năng thực hiện phân tích và nhận biết các nội dung liên quan đến hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế |
| CĐR 6 | Có kỹ năng vận dụng một số nội dung cơ bản của chuẩn mực kế toán quốc tế và giải quyết công tác kế toán |
| CĐR 7 | Có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR 8 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán đã được đào tạo |
| CĐR 9 | Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong nghề kế toán |
|  | Phẩm chất đạo đức |
| CĐR 10 | Từ những hiểu biết về chuẩn mực kế toán Việt Nam, người học sự hiểu biết về pháp luật từ đó có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt |
| CĐR11 | Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc |
| CĐR 12 | Trung thực, trách nhiệm, tỉ mỉ |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | |
| Lên lớp | | | | SV tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Bài tập lớn |
| 1 | Những vấn đề của chuẩn mực kế toán quốc tế | 5 | 0 | 0 | 0 | 10 | CĐR1; CĐR5; CĐR6; CĐR 7; CĐR 8; CĐR 9; CĐR 10; CĐR 11; CĐR12 |
| 2 | Các chuẩn mực kế toán về tài sản | 5 | 3 | 0 | 0 | 22 | CĐR2; CĐR5; CĐR6; CĐR 7; CĐR 8; CĐR 9; CĐR 10; CĐR 11; CĐR12 |
| 3 | Chuẩn mực về chi phí, doanh thu, nợ phải trả và các chuẩn mực khác | 5 | 3 | 0 | 0 | 22 | CĐR3; CĐR5; CĐR6; CĐR 7; CĐR 8; CĐR 9; CĐR 10; CĐR 11; CĐR12 |
| 4 | Chuẩn mực về báo cáo tài chính | 5 | 4 | 0 | 0 | 26 | CĐR4; CĐR10; CĐR12;CĐR13;CĐR14;CĐR15;CĐR16;CĐR17; CĐR18 |
|  | Tổng | 20 | 10 | 0 | 0 | 80 |  |

HỌC PHẦN: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 2

1. Thông tin chung về học phần:

1.1. Tên học phần

+ Tên tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp 2

+ Tên tiếng Anh: Professional practice 2

*1.2. Mã số học phần:* KTO

*1.3. Số tín chỉ: 1*

Thời gian thực tập: 1 tuần (6 ngày)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

4. Mục tiêu của học phần

*4.1. Kiến thức:*

+ Nắm được tình hình và công tác tổ chức kế toán, trình tự và phương pháp thực hiện các phần hành kế toán chủ yếu. Vận dụng kiến thức và chế độ kế toán trong doanh nghiệp.

+ Biết thu thập và xử lý thông tin kế toán thu thập được.

+ Tổ chức, sắp xếp và hoàn thiện chứng từ kế toán theo từng phần hành kế toán

+ Nắm được thực tiễn về tổ chức công tác kế toán và tài chính trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

*4.2 Kỹ năng*:

+ Hiểu được các công việc của cán bộ kế toán doanh nghiệp theo vị trí của kế toán viên được phân công trong Bộ máy kế toán.

+ Tổ chức được chứng từ kế toán của doanh nghiệp.

+ Hoàn thành ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ và sổ kế toán của doanh nghiệp.

+ Phân biệt các vị trí việc làm trong một phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tại doanh nghiệp và vận dụng được công việc kế toán qua khâu tổ chức hoàn thiện chứng từ vào một doanh nghiệp ngoài thực tiễn

*4.3 Thái độ*:

+ Chấp hành nghiêm túc thời gian, nội quy, quy chế làm việc trong quá trình thực tập

+ Sau khi kết thúc đợt thực tập sinh viên sẽ thêm tự tin và hứng thú, yêu mến và muốn được làm nghề kế toán hơn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học

Thực tập nghề nghiệp 2 nhằm giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên môn đã học ở các học phần trước đó thuộc chuyên ngành kế toán để vận dụng vào việc thưc hành kế toán, cụ thể đi sâu về tổ chức và viết chứng từ kế toán trong nghiệp vụ theo từng phần hành kế toán như: kế toán bán hàng, kế toán mua hàng, kế toán tiền lương, kế toán tài sản cố định, …. Bên cạnh đó, thông qua việc kết hợp với thực hành trên bộ chứng từ thực tế tại một doanh nghiệp giúp sinh viên có thêm những kiến thức và kỹ năng làm việc thực tế. Là cơ sở để sinh viên lựa chọn và định hướng đề tài tốt nghiệp và có khả năng làm tốt công việc kế toán khi ra trường.

6. Chuẩn đầu ra của học phần:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| *Về kiến thức* | |
| CĐR1 | Biết được cách thức tổ chức kế toán thực tế tại Doanh nghiệp. Tổng hợp được kiến thức chuyên môn đã học ở các học phần trước đó thuộc chuyên ngành kế toán để vận dụng vào việc thưc hành kế toán trên dữ liệu thực tế tại một doanh nghiệp |
| CĐR2 | Tổ chức được hệ thống chứng từ cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một doanh nghiệp cụ thể. |
| *Về kỹ năng* | |
| CĐR3 | Có kỹ năng thu thập thông tin, lựa chọn chứng từ kế toán phù hợp cho từng nghiệp vụ phát sinh |
| CĐR4 | Có kỹ năng lập và hoàn thiện chứng từ kế toán cho từng nghiệp vụ phát sinh cụ thể, từng phần hành kế toán cụ thể |
| CĐR5 | Có kỹ năng sắp xếp, hoàn thiện bộ chứng từ kế toán của doanh nghiệp theo từng phần hành kế toán cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau |
| CĐR6 | Có kỹ năng làm việc, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chuyên ngành kế toán |
| *Năng lực tự chủ và trách nhiệm* | |
| CĐR7 | Có tinh thần trách nhiệm với công việc, ý thức tổ chức kỷ luật lao động |
| CĐR8 | Có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ. |
| CĐR9 | Có tinh thần hợp tác và giúp đỡ, làm việc nhóm hiệu quả |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Nội dung buổi thực hành | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Hóa đơn | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 2 | Kế toán mua hàng | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 3 | Kế toán bán hàng | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 4 | Kế toán tài sản cố định | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 5 | Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 6 | Nghiệp vụ khác | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7, CĐR8 |
| 7 | Tổng hợp | 0 | 0 | 0 | CĐR1, CĐR2, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9 |

HỌC PHẦN: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 3

1. Thông tin chung về học phần:

1.1. Tên học phần

+ Tên tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp 3

+ Tên tiếng Anh: Vocational training 3

*1.2. Mã số học phần:*

*1.3. Số tín chỉ: 3*

Thời gian thực tập: 3 tuần

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Tài chính kế toán

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2, thực tập nghề nghiệp 2

4. Mục tiêu của học phần

*- Về kiến thức:*

+ Nắm được tình hình và công tác tổ chức kế toán, trình tự và phương pháp thực hiện các phần hành kế toán chủ yếu. Vận dụng kiến thức và chế độ kế toán trong doanh nghiệp.

+ Biết thu thập và xử lý thông tin kế toán thu thập được.

+ Biết phân tích đánh giá tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

+ Nắm được thực tiễn về tổ chức công tác kế toán và tài chính trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*- Về kỹ năng:*

Thông qua việc tham gia vào mô hình "Phòng thực hành kế toán ảo" được tổ chức tại Trường Đại học Lâm nghiệp, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ các kỹ năng sau:

+ Thực hiện được các công việc của cán bộ kế toán doanh nghiệp theo vị trí của kế toán viên được phân công trong Bộ máy kế toán.

+ Tổ chức được chứng từ kế toán và sổ kế toán của doanh nghiệp.

+ Hoàn thành ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ và sổ kế toán của doanh nghiệp.

+ Lập được Báo cáo tài chính của một doanh nghiệp

+ Phân tích được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp

+ Lập được kế hoạch tài chính cho một doanh nghiệp

+ Liên kết được công việc kế toán, phân tích tài chính, lập kế hoạch tài chính mà mỗi kế toán viên đảm nhiệm với các thành viên khác trong Bộ máy kế toán.

+ Phân biệt các vị trí việc làm trong một phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tại doanh nghiệp và vận dụng được công việc kế toán đã thực hiện trong "phòng thực hành kế toán ảo" vào một doanh nghiệp ngoài thực tiễn.

+ Thông qua đi thực tế tại Doanh nghiệp, Sinh viên được trang bị thêm một số kỹ năng như: kỹ năng tổ chức công việc, bố trí, sắp xếp và thực hiện công việc kế toán, kỹ năng giao tiếp của một người kế toán viên trong môi trường công sở.

*- Về thái độ*

Chấp hành nghiêm túc thời gian, nội quy, quy chế làm việc tại "Phòng thực hành kế toán ảo" và tại doanh nghiệp đi thực tế.

Sau khi kết thúc đợt thực tập sinh viên sẽ thêm tự tin và hứng thú, yêu mến và muốn được làm nghề kế toán hơn

5. Tóm tắt nội dung môn học

Thực tập nghề nghiệp 3 nhằm giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên môn đã học ở các học phần trước đó thuộc chuyên ngành kế toán để vận dụng vào việc thực hành công tác kế toán, phân tích hoạt động kinh doanh và tài chính của Doanh nghiệp như một kế toán viên. Bên cạnh đó, thông qua việc kết hợp với đi thực tiễn tại một doanh nghiệp giúp sinh viên có thêm những kiến thức và kỹ năng làm việc thực tế. Là cơ sở để sinh viên lựa chọn và định hướng đề tài tốt nghiệp và có khả năng làm tốt công việc kế toán khi ra trường.

6. Chuẩn đầu ra của học phần:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã CĐR | Nội dung chuẩn đầu ra |
| *Về kiến thức* | |
| CĐR1 | Biết được cách thức tổ chức công tác kế toán thực tế tại Doanh nghiệp. Tổng hợp được kiến thức chuyên môn đã học ở các học phần trước đó thuộc chuyên ngành kế toán để vận dụng vào việc thưc hành kế toán trên dữ liệu thực tế tại một doanh nghiệp |
| CĐR2 | Tổ chức được hệ thống chứng từ cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một doanh nghiệp cụ thể. |
| CĐR3 | Biết đánh giá tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính tại doanh nghiệp |
| *Về kỹ năng cứng* | |
| CĐR4 | Có kỹ năng thu thập thông tin, lựa chọn chứng từ kế toán phù hợp cho từng nghiệp vụ phát sinh, sắp xếp, hoàn thiện bộ chứng từ kế toán. |
| CĐR5 | Có kỹ năng nghề nghiệp theo từng phần hành kế toán ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau |
| CĐR6 | Có kỹ năng làm việc, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chuyên ngành kế toán |
| CĐR7 | Có kỹ năng lập báo cáo tài chính |
| CĐR8 | Có kỹ năng lập và phân tích tài chính, thực hành thực tập thực tế tại doanh nghiệp. |
| *Về kỹ năng mềm* | |
| CĐR9 | Kỹ năng sử dụng word, excel, phần mềm kế toán |
| *Năng lực tự chủ và trách nhiệm* | |
| CĐR10 | Có tinh thần trách nhiệm với công việc, ý thức tổ chức kỷ luật lao động |
| CĐR11 | Có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ. |
| CĐR12 | Có tinh thần hợp tác và giúp đỡ, làm việc nhóm hiệu quả |

7. Cấu trúc nội dung học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT chương | Nội dung buổi thực hành | Hình thức tổ chức dạy học học phần | | | | | |
| Lên lớp | | | | Sv tự nghiên cứu, tự học | Chuẩn đầu ra (HP) |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành,  thực tập |
| 1 | Tổ chức công tác kế toán theo mô hình tại doanh nghiệp | 0 | 0 | 0 | 1 ngày | 5 | CĐR1  CĐR2, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR10  CĐR11  CĐR12 |
| 2 | Thực hành công việc kế toán theo mô hình tại một doanh nghiệp | 0 | 0 | 0 | 9 ngày | 45 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4,  CĐR5 CĐR6, CĐR7  CĐR9  CĐR10  CĐR11  CĐR12 |
| 3 | Phân tích tài chính doanh nghiệp | 0 | 0 | 0 | 3 ngày | 15 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4,  CĐR5 CĐR6, CĐR7,  CĐR8  CĐR9  CĐR10  CĐR11  CĐR12 |
| 4 | Lập kế hoạch tài chính | 0 | 0 | 0 | 3 ngày | 15 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4,  CĐR5 CĐR6, CĐR7,  CĐR8  CĐR9  CĐR10  CĐR11  CĐR12 |
| 5 | Đi thực tế tại doanh nghiệp | 0 | 0 | 0 | 2 ngày | 10 | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4,  CĐR5 CĐR6, CĐR7,  CĐR8  CĐR9  CĐR10  CĐR11  CĐR12 |

3.5 Phương pháp và hình thức đào tạo

+ Hình thức đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ

+Phương pháp đào tạo:

- Tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiện đại.

- Coi trọng tự học của sinh viên, lấy sinh viên làm trung tâm.

- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy, học tích cực.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập

3.6 Cách thức đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Bộ Giáo Dục & Đào tạo và của Trường Đại học Lâm nghiệp.

3.7 Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành kế toán được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo ngành kế toán từng năm, ,từng đợt ban hành. Bản mô tả sẽ được cập nhật bổ sung định kỳ theo hướng dẫn của Trường Đại học lâm nghiệp